

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG

(Trình độ Đại học)

(Ban hành kèm theo Quyết định số. /QĐ-ĐHYHN ngày / /2024)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(DỰ THẢO ngày 11/01/2024)

- Tên ngành đào tạo: Kỹ thuật phục hình răng
- Mã số: 7720502
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Phục hình răng có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học cơ sở, công nghệ và mỹ thuật vững chắc; đủ kiến thức và kỹ năng về chuyên ngành để thực hiện chế tác trong labo các loại phục hình răng hàm mặt: phục hình tháo lắp toàn phần và từng phần, hàm khung, phục hình cố định, hàm chỉnh hình, phục hình trên cấy ghép... Có khả năng quản lý về chuyên môn và trang thiết bị của một labo răng hàm mặt; có ý thức làm việc theo nhóm và có khả năng tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học và tự đào tạo đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng:

2.1. Kiến thức

PLO1. Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, vật liệu, thiết bị, công nghệ và chuyên ngành trong thực hành nghề nghiệp.

PLO2. Áp dụng kiến thức chuyên ngành để phối hợp với bác sỹ giải quyết các vấn đề nha khoa và các chuyên ngành liên quan.

PLO3. Định hướng thông tin chuyên môn dựa trên bằng chứng, có khả năng tự thu thập, phân tích và sử dụng thông tin.

2.2. Kỹ năng

PLO4. Có khả năng thực hiện phục hình răng giả, các khí cụ chỉnh nha và một số khí cụ khác bằng cách sử dụng các kỹ thuật và phương pháp thích hợp, tiên lượng và có khả năng

đánh giá được các biến chứng tiềm ẩn;

PLO5. Có các kỹ năng cần thiết trong quản lý, kinh doanh, làm việc nhóm cần cho công việc kỹ thuật viên.

PLO6. Có khả năng tư vấn, giải thích các vấn đề về các vật liệu nha khoa đồng thời sử dụng được các công cụ tiên tiến trong việc giao tiếp và thu thập thông tin.

PLO7. Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực nghề nghiệp.

2.3. Tự chủ và trách nhiệm

PLO8. Áp dụng các nguyên tắc học tập liên tục và suốt đời để có cơ hội và khả năng phát triển nghề nghiệp, theo kịp những thành tựu mới trong kỹ thuật nha khoa.

PLO9. Tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hành nghề.

3. Chuẩn đầu vào, đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc trình độ văn hoá tương đương theo quy định hiện hành.
- Hình thức tổ chức tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh Đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của Trường tại thời điểm tuyển sinh.
- Thời gian tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Chính sách ưu tiên: tuyển thẳng; xét tuyển; ưu tiên diện chính sách và khu vực theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án của Trường.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ theo quy định hiện hành.

4. Cách thức tổ chức

Chương trình được thiết kế gồm các học phần lý thuyết, thực hành và thực tập công đồng tại các cơ sở thực địa, thi kết thúc các học phần; thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp:

- + Lý thuyết: học tại giảng đường – Trường Đại học Y Hà Nội.
- + Thực hành: tại các phòng thực hành, labo – Trường Đại học Y Hà Nội.
- + Thực tập nghề nghiệp: tại cơ sở thực hành của Viện đào tạo Răng Hàm Mặt

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện đào tạo và xét tốt nghiệp theo Thông tư số 08/TT- BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, và quyết định 3843/QĐ-ĐHYHN ngày 01/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Y Hà Nội, được sửa đổi, bổ sung theo quyết định số 5225 ngày 27/10/2023 của Trường Đại học Hà Nội.

6. Cách thức đánh giá

Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần: cách đánh giá và lượng giá học phần được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà trường. Cụ thể việc đánh giá chi tiết từng học phần được nêu trong đề cương chi tiết học phần.

7. Khung chương trình đào tạo

Chương trình được cấu trúc hợp lý, linh hoạt gồm 120 tín chỉ (đã bao gồm học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất theo quy định đối với giáo dục đào tạo trình độ đại học), trong đó có 114 tín chỉ bắt buộc và 6 tín chỉ tự chọn. Người học có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Sau khi tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình đào tạo, sinh viên tham gia kỳ thi tay nghề, thi lý thuyết hoặc làm khóa luận và thực hành.

| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
|-----------|--|------------|-----------|-----------|
| | | Tổng | LT | TH |
| I | Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (bao gồm phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh) | | | |
| 1 | Các môn chung * | 35,5 | 28 | 7,5 |
| 2 | Kiến thức cơ sở khối ngành | 7,5 | 4 | 3,5 |
| II | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó: | | | |
| 1 | Kiến thức cơ sở ngành | 8 | 6 | 2 |
| 2 | Kiến thức ngành | 56 | 20 | 36 |
| 3 | Kiến thức bổ trợ (Tự chọn) – mỗi sinh viên chọn tối thiểu 6 tín chỉ | 6 | 4 | 2 |
| 4 | Thực tế và thi tốt nghiệp | 7 | 4 | 3 |
| | Tổng cộng | 120 | 66 | 54 |

* Đã bao gồm các học phần:

- Giáo dục thể chất: 0 tín chỉ LT / 3 tín chỉ TH
- Giáo dục quốc phòng – an ninh: 6 tín chỉ LT / 2,5 tín chỉ TH

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 43 tín chỉ (32 LT / 11 TH)

| TT | Tên môn học/ học phần | Số tín chỉ | | |
|----------------------|-----------------------|------------|----|----|
| | | Tổng | LT | TH |
| Các môn chung | | | | |

| | | | | |
|---------------------------------|------------------------------------|-------------|-----------|------------|
| 1. | Định hướng và sinh hoạt đầu khoá | 2 | 1 | 1 |
| 2. | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 |
| 3. | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 |
| 4. | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 |
| 5. | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 |
| 6. | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 |
| 7. | Tiếng Anh | 6 | 6 | 0 |
| 8. | Tin học đại cương | 2 | 1 | 1 |
| 9. | Giáo dục thể chất | 3 | 0 | 3 |
| 10. | Y học thể dục thể thao | 1 | 1 | 0 |
| 11. | Giáo dục Quốc phòng - An ninh | 8,5 | 6 | 2,5 |
| 12. | Nhà nước và pháp luật | 2 | 2 | 0 |
| Tổng cộng | | 35,5 | 28 | 7,5 |
| Các môn cơ sở khối ngành | | | | |
| 13. | Giải phẫu và Di truyền | 2 | 1 | 1 |
| 14. | Nguyên tử, phân tử, tế bào | 2 | 1 | 1 |
| 15. | Vô khuẩn và an toàn trong lao động | 1,5 | 1 | 0,5 |
| 16. | Vi sinh và thuốc sát trùng | 2 | 1 | 1 |
| Tổng cộng | | 7,5 | 4 | 3,5 |

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 64 tín chỉ (26 LT / 38 TH)

| TT | Tên môn học/ học phần | Phân bố Tín chỉ | | |
|-----------------------------|--|-----------------|----------|----------|
| | | Tổng | LT | TH |
| Các môn cơ sở ngành | | | | |
| 17. | Giải phẫu răng, Mô phôi răng, Sinh học miệng | 2 | 1 | 1 |
| 18. | Khái niệm cơ bản về vật liệu và màu sắc | 4 | 3 | 1 |
| 19. | Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa | 2 | 2 | 0 |
| Tổng cộng | | 8 | 6 | 2 |
| Các môn chuyên ngành | | | | |
| 20. | Tâm lý, đạo đức trong nha khoa (PPD1) | 1 | 0,5 | 0,5 |
| 21. | Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời (PPD2) | 2 | 1 | 1 |
| 22. | Phục hình 1 (hàm giả tháo lắp từng phần nhựa) | 6 | 2 | 4 |

| | | | | |
|-----|---|-----------|-----------|-----------|
| 23. | Phục hình 2 (hàm giả tháo lắp toàn phần nhựa) | 7 | 2 | 5 |
| 24. | Nghiên cứu khoa học (PPD3) | 2 | 1 | 1 |
| 25. | Thực tế cộng đồng | 2 | 1 | 1 |
| 26. | Phục hình 3.1 (Hàm khung kim loại 1) | 2 | 1 | 1 |
| 27. | Phục hình 3.2 (Hàm khung kim loại 2) | 7 | 1 | 6 |
| 28. | Vệ sinh răng miệng và bệnh học miệng | 3 | 2 | 1 |
| 29. | Khí cụ chỉnh nha | 4 | 2 | 2 |
| 30. | Thẩm mỹ, chức năng và khớp cắn | 4 | 2 | 2 |
| 31. | Hỗ trợ sự sống (BLS) | 2 | 1 | 1 |
| 32. | Phục hình 4.1 (Phục hình cố định 1) | 5 | 1 | 4 |
| 33. | Phục hình 4.2 (Phục hình cố định 2) | 5 | 1 | 4 |
| 34. | Tổ chức sự kiện, công nghệ và quản trị phòng khám nha khoa (PPD4) | 1 | 0,5 | 0,5 |
| 35. | Phục hình 5 (Phục hình hàm mặt) | 3 | 1 | 2 |
| | Tổng cộng | 56 | 20 | 36 |

7.2.2 Kiến thức bổ trợ/đặc thù – (Lựa chọn): 06 tín chỉ (4 LT / 2 TH)

| | | | | |
|-----|------------------------------------|----------|----------|----------|
| 36. | Môn tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 môn) | | | |
| | Ghi hình trong Răng Hàm Mặt | 3 | 2 | 1 |
| | Thẩm mỹ nha khoa nâng cao | 3 | 2 | 1 |
| 37. | Môn tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 môn) | | | |
| | Nha khoa quốc tế | 3 | 2 | 1 |
| | Công nghệ in 3D | 3 | 2 | 1 |
| | Cộng | 6 | 4 | 2 |

7.2.3. Tốt nghiệp: 07 tín chỉ (4 LT / 3 TH)

| | | | | |
|-----|---|----------|----------|----------|
| 38. | Tốt nghiệp lâm sàng | 3 | 0 | 3 |
| 39. | Tốt nghiệp lý thuyết / Khóa luận tốt nghiệp | 4 | 4 | 0 |
| | Cộng | 7 | 4 | 3 |

8. Tiến trình đào tạo

| TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO - KỸ THUẬT VIÊN PHỤC HÌNH RĂNG | | | | | | | |
|---|-------------------------------------|--|---|---|---|--|---|
| KỶ I | KỶ II | KỶ III | KỶ IV | KỶ V | KỶ VI | KỶ VII | KỶ VIII |
| Định hướng & SH đầu khoá (1/1) | Giáo dục thể chất 1,2 (0/2) | Giáo dục thể chất 3 (0/1) | Y học thể dục thể thao (1/0) | Submodule PHỤC HÌNH 1: Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa (2/4) | Submodule PHỤC HÌNH 2: Hàm giả tháo lắp toàn phần nhựa (2/5) | Submodule PHỤC HÌNH 3.1: Hàm khung kim loại 1 (1/1) | Submodule PHỤC HÌNH 4.2: Phục hình cố định 2 (1/4) |
| Tiếng Anh I (2/0) | Tiếng Anh II (2/0) | Tiếng Anh III (2/0) | Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa (2/0) | Thực tế cộng đồng (1/1) | Module tự chọn 1: (2/1) - Ghi hình trong RHM - Thẩm mỹ nha khoa nâng cao | Submodule PHỤC HÌNH 3.2: Hàm khung kim loại 2 (1/6) | Submodule PHỤC HÌNH 5: Phục hình hàm mặt (1/2) |
| Triết học Mác - Lênin (3/0) | Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2/0) | Chủ nghĩa xã hội khoa học (2/0) | Tư tưởng Hồ Chí Minh (2/0) | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (2/0) | Module tự chọn 2: (2/1) - Nha khoa quốc tế - Công nghệ in 3D | Submodule PPD4: Tổ chức sự kiện, công nghệ và quản trị PK nha khoa (0,5/0,5) | Ôn tập tốt nghiệp |
| Giải phẫu và Di truyền (1/1) | Nguyên tử, phân tử, tế bào (1/1) | Tin học Đại cương (1/1) | Vệ sinh răng miệng và bệnh học miệng (2/1) | Submodule PPD1: Tâm lý, đạo đức trong nha khoa (0,5/0,5) | Submodule PPD2: Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời. (1/1) | Submodule PHỤC HÌNH 4.1: Phục hình cố định 1 (1/4) | TỐT NGHIỆP LÝ THUYẾT - Bảo vệ Khoa Luận (4/0) |
| Vi sinh và thuốc sát trùng (1/0,5) | | Thẩm mỹ, chức năng và khớp cắn (2/2) | Khái niệm cơ bản về vật liệu và màu sắc (3/1) | Khí cụ chỉnh nha (2/2) | Submodule PPD3: Nghiên cứu khoa học (1/1) | | TỐT NGHIỆP LÀM SÁNG (0/3) |
| Vô khuẩn và an toàn trong lao động (1/1) | Giáo dục quốc phòng (6/2,5) | Giải phẫu răng, Mổ phôi răng, Sinh học miệng (1/1) | Nhà nước và Pháp luật (2/0) | Hỗ trợ sự sống (BLS) (1/1) | | | |
| Các môn chung: | 35,5 | Tự chọn: 6 | | | | | |
| Cơ sở khối ngành: | 7,5 | Bắt buộc: 114 | | | | | |
| Cơ sở ngành: | 8 | Tổng: 120 | | | | | |
| Chuyên ngành: | 56 | | | | | | |
| Tốt nghiệp: | 7 | | | | | | |

9. Khung chương trình và đơn vị phụ trách xây dựng và giảng dạy học phần

| TT | Kỳ | Tên học phần | Tín chỉ | | | Đơn vị phụ trách |
|----|----|------------------------------------|---------|-----|------|---|
| | | | LT | TH | Tổng | |
| 1 | I | Định hướng và sinh hoạt đầu khoá | 1 | 1 | 2 | CTSV+KTX+Y tế ĐTĐH + TTKT Đoàn thanh niên |
| 2 | I | Tiếng Anh I | 2 | 0 | 2 | BM Ngoại ngữ |
| 3 | I | Triết học Mác - Lênin | 3 | 0 | 3 | Bộ môn Lý luận chính trị |
| 4 | I | Giải phẫu và Di truyền | 1 | 1 | 2 | BM y sinh học di truyền và BM Giải phẫu |
| 5 | I | Vi sinh và thuốc sát trùng | 1 | 0,5 | 1,5 | Bộ môn Nha khoa cơ sở |
| 6 | I | Vô khuẩn và an toàn trong lao động | 1 | 1 | 2 | Bộ môn Nha khoa cơ sở |
| 7 | II | Giáo dục thể chất 1, 2 | 0 | 2 | 2 | Bộ môn Giáo dục thể chất |
| 8 | II | Tiếng Anh II | 2 | 0 | 2 | BM Ngoại ngữ |

| | | | | | | |
|----|-----|--|-----|-----|-----|-----------------------------------|
| 9 | II | Kinh tế chính trị Mác – Lê nin | 2 | 0 | 2 | Bộ môn Lý luận chính trị |
| 10 | II | Nguyên tử, phân tử, tế bào | 1 | 1 | 2 | Bộ môn Sinh lý, Hoá học, Hoá sinh |
| 11 | II | Giáo dục quốc phòng | 6 | 2,5 | 8,5 | Bộ môn giáo dục quốc phòng |
| 12 | III | Giáo dục thể chất 3 | 0 | 1 | 1 | Bộ môn Giáo dục thể chất |
| 13 | III | Tiếng Anh III | 2 | 0 | 2 | BM Ngoại ngữ |
| 14 | III | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 0 | 2 | Bộ môn Lý luận chính trị |
| 15 | III | Tin học Đại cương | 1 | 1 | 2 | Bộ môn Toán Tin |
| 16 | III | Thẩm mỹ, chức năng và khớp cắn | 2 | 2 | 4 | Bộ môn Nha khoa cơ sở |
| 17 | III | Giải phẫu răng, Mô phôi răng, Sinh học miệng | 1 | 1 | 2 | Bộ môn Nha khoa cơ sở |
| 18 | IV | Y học thể dục thể thao | 1 | 0 | 1 | Bộ môn Giáo dục thể chất |
| 19 | IV | Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa | 2 | 0 | 2 | Bộ môn Nha khoa cơ sở |
| 20 | IV | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 0 | 2 | Bộ môn Lý luận chính trị |
| 21 | IV | Vệ sinh răng miệng và bệnh học miệng | 2 | 1 | 3 | Bộ môn Phẫu thuật miệng |
| 22 | IV | Khái niệm cơ bản về vật liệu và màu sắc | 3 | 1 | 4 | Bộ môn Nha khoa cơ sở |
| 23 | IV | Nhà nước và Pháp luật | 2 | 0 | 2 | Bộ môn Tâm lý – Y đức |
| 24 | V | Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa | 2 | 4 | 6 | Bộ môn Phục hình răng |
| 25 | V | Thực tế cộng đồng | 1 | 1 | 2 | Bộ môn Nha khoa cộng đồng |
| 26 | V | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam | 2 | 0 | 2 | Bộ môn Lý luận chính trị |
| 27 | V | Tâm lý, đạo đức trong nha khoa | 0,5 | 0,5 | 1 | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt |
| 28 | V | Khí cụ chỉnh nha | 2 | 2 | 4 | Bộ môn Nắn chỉnh răng |
| 29 | V | Hỗ trợ sự sống (BLS) | 1 | 1 | 2 | BM BLM & PTHM |
| 30 | VI | Hàm giả tháo lắp toàn phần | 2 | 5 | 7 | Bộ môn Phục hình răng |

| | | | | | | |
|----|------|---|-----|-----|---|---------------------------|
| | | nhựa | | | | |
| 31 | VI | Module tự chọn 1: - Ghi hình trong Răng Hàm Mặt - Thẩm mỹ nha khoa nâng cao | 2 | 1 | 3 | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt |
| 32 | VI | Module tự chọn 2: - Nha khoa quốc tế - Công nghệ in 3D | 2 | 1 | 3 | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt |
| 33 | VI | Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời | 1 | 1 | 2 | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt |
| 34 | VI | Nghiên cứu khoa học | 1 | 1 | 2 | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt |
| 35 | VII | Hàm khung kim loại 1 | 1 | 1 | 2 | Bộ môn Phục hình răng |
| 36 | VII | Hàm khung kim loại 2 | 1 | 6 | 7 | Bộ môn Phục hình răng |
| 37 | VII | Tổ chức sự kiện, công nghệ và quản trị phòng khám nha khoa | 0,5 | 0,5 | 1 | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt |
| 38 | VII | Phục hình cố định 1 | 1 | 4 | 5 | Bộ môn Phục hình răng |
| 39 | VIII | Phục hình cố định 2 | 1 | 4 | 5 | Bộ môn Phục hình răng |
| 40 | VIII | Phục hình hàm mặt | 1 | 2 | 3 | Bộ môn BLM & PTHM |
| 41 | VIII | Tốt nghiệp lâm sàng | 0 | 3 | 3 | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt |
| 42 | VIII | Tốt nghiệp lý thuyết / Khóa luận tốt nghiệp | 4 | 0 | 4 | Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt |

10. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

10.1. Định hướng & Sinh hoạt đầu khoá

2TC

Module cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về truyền thống, lịch sử của Trường Đại học Y Hà Nội, hình thành niềm tự hào về Nhà trường và ngành nghề, thông qua đó sinh viên xây dựng lý tưởng nghề nghiệp và động cơ học tập đúng đắn, xây dựng môi trường học tập, phấn đấu trở thành công dân tốt, chấp hành pháp luật, tuân thủ hệ thống các quy chế, quy định đối với sinh viên trong thời gian sinh hoạt, học tập tại trường và trở thành kỹ thuật viên tốt sau khi ra trường.

10.2. Triết học Mác – Lê nin

3TC

Môn học Triết học Mác-Lênin cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Triết học Mác-Lênin một cách có hệ thống, sự phát triển của triết học trong lịch sử và vai trò của nó trong đời sống ngày nay. Trên cơ sở đó giúp người học hiểu được cơ

sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn cung cấp cơ sở về thế giới quan, phương pháp luận khoa học để người học có thể nghiên cứu các môn khoa học khác thuộc môn Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành.

10.3. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin

2TC

Kinh tế chính trị Mác - Lênin một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin, nền tảng tư tưởng của Đảng CSVN. Môn này cung cấp cho người học những tri thức kinh tế chính trị về phát triển sản xuất TBCN và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

Phát huy những giá trị khoa học bền vững của Kinh tế chính trị Mác - Lênin đồng thời nâng cao tính thiết thực đối với việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tại nhà Trường.

10.4. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2TC

Môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học một cách có hệ thống về sự ra đời các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để giúp người học hiểu được cơ sở lý luận của đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Ngoài ra môn học còn tạo điều kiện để người học có thể nghiên cứu các môn khoa học khác thuộc môn Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn khoa học chuyên ngành.

10.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, nền tảng về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó tập trung vào các nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh – nền tảng tư tưởng của Đảng.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân của người học trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Giúp sinh viên tu dưỡng, rèn luyện bản thân mình theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng của đất nước

10.6. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2TC

Môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự ra đời của ĐCSVN và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở những kiến thức đã học, sinh viên có thể vận dụng vào công việc và cuộc sống thường ngày, đặc biệt là việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

10.7. Tiếng Anh

6TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp, từ vựng về các khía cạnh trong cuộc sống, cũng như hoàn thiện các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết để giúp sinh viên có thêm công cụ để học tập và nghiên cứu trong chuyên ngành PHR. Ngoài ra tiếng Anh chuyên ngành PHR còn giúp sinh viên tham khảo tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh để nâng cao trình độ, có thể sử dụng tiếng Anh với những mục đích khác nhau sau khi ra trường.

10.8. Tin học đại cương

2TC

Học phần nhằm trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về công nghệ thông tin và kỹ năng thực hành tổng hợp về sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng internet cơ bản.

Người học hoàn thành Học phần Tin học Đại cương có khả năng sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo quy định của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT Bộ Thông tin và Truyền thông.

10.9. Giáo dục thể chất

3TC

Nội dung học phần được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học

10.10. Y học thể dục thể thao

1TC

Nội dung học phần nhằm:

- Giới thiệu những nội dung cơ bản của y học thể dục thể thao
- Hướng dẫn người tập thể thao có thể kê đơn luyện tập
- Hướng xử trí các chấn thương thường gặp trong hoạt động thể dục thể thao.

10.11. Giáo dục Quốc phòng – An ninh

8,5 TC

Nội dung học phần được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGD&ĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

10.12. Nhà nước và pháp luật

2TC

Mục đích của môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật đại cương, từ đó áp dụng kiến thức liên quan tới pháp luật vào cuộc sống và các tình huống trong thực hành y khoa.

10.13. Giải phẫu và Di truyền

2TC

Môn Giải phẫu và Di truyền nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giải phẫu ứng dụng trong y học; những kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng, vai trò sinh học, hoạt động của các nguyên tử, phân tử và tế bào trong cơ thể sinh vật; mối liên hệ thống nhất

giữa chúng với nhau, với cơ thể và môi trường. Từ đó sinh viên có thể vận dụng được những kiến thức cơ bản của Hóa học, Hóa sinh, Sinh học di truyền để giải thích bản chất, cơ chế một số hiện tượng y học và áp dụng vào việc học tập các môn chuyên ngành Phục hình răng.

Môn học hướng dẫn sinh viên thực hiện một số thí nghiệm để bổ sung cho lý thuyết, làm quen với một số thao tác trong phòng thí nghiệm nói chung, bước đầu tiếp cận một số xét nghiệm Hóa sinh ứng dụng trên lâm sàng và giải thích được ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm đó.

10.14. Nguyên tử, phân tử, tế bào

2TC

Module Nguyên tử, phân tử, tế bào nhằm trang bị cho sinh viên Phục hình răng những kiến thức cơ bản về Hóa học ứng dụng trong y học; cấu trúc, chức năng, vai trò sinh học, hoạt động của các nguyên tử, phân tử và tế bào trong cơ thể sinh vật; mối liên hệ thống nhất trong cơ thể và tương tác môi trường xung quanh. Từ đó sinh viên có thể vận dụng được những kiến thức cơ bản của Hóa học, Hóa sinh, Y Sinh học di truyền để giải thích bản chất, cơ chế một số hiện tượng y học và áp dụng vào việc học tập các môn chuyên ngành Phục hình răng.

10.15. Vô khuẩn và an toàn trong lao động

2TC

Nội dung: kiến thức về các vấn đề về an toàn lao động và vô khuẩn. Giúp người học nhận diện những yếu tố bệnh tật và sức khỏe của cá nhân, cách thức bảo vệ sức khỏe và đối phó với bệnh tật theo những đặc trưng riêng của từng nhóm xã hội. Một người thực sự khỏe mạnh là phải đảm bảo được sự khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và xã hội.

10.16. Vi sinh và thuốc sát trùng

1,5TC

Nội dung: Học phần Vi sinh và thuốc sát trùng cung cấp cho Sinh viên có được cái nhìn tổng quan về thuật ngữ chung của vi sinh học và thuốc sát trùng. Sau khi học xong học phần Sinh viên hiểu rõ hầu hết các vi sinh vật gây bệnh phổ biến và có cái nhìn tổng quan về các phương pháp và phương tiện khử trùng và khử trùng được sử dụng phổ biến.

10.17. Giải phẫu răng, Mô phôi răng, Sinh học miệng

6TC

Nội dung: Danh pháp, thuật ngữ giải phẫu răng, phương pháp mô tả và học giải phẫu răng; giới thiệu về bộ răng sữa, phân biệt bộ răng sữa và bộ răng vĩnh viễn; giải phẫu ngoài, giải phẫu trong tất cả các răng hàm trên và hàm dưới, vị trí, tư thế của răng trên cung răng. Sinh viên thực hiện thành thạo kỹ năng vẽ, gọt tưa trên thạch cao những răng đại diện cho nhóm răng theo đúng tỷ lệ và đặc điểm giải phẫu.

10.18. Khái niệm cơ bản vật liệu nha khoa và màu sắc

4TC

Nội dung: cấu trúc và tính chất vật lý, tính tương hợp sinh học của vật liệu nha khoa; thành phần của từng loại vật liệu – vai trò và tính chất của các chất tham gia cấu thành vật liệu; các tính chất của từng vật liệu và các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất đó; những biến đổi lý, hóa

của vật liệu nha khoa trong môi trường miệng; nêu được chỉ định và phương pháp sử dụng của từng loại vật liệu.

10.19. Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa

2TC

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cấu tạo, nguyên lý hoạt động và bảo trì các trang thiết bị sử dụng trong labo răng giả như các máy mài, máy đúc, bàn ép cho đến các thiết bị hiện đại như máy quét, máy in 3D ... Bên cạnh đó là các kiến thức về quản trị labo, vận hành các dây chuyền sản xuất, sự phối hợp giữa các bộ phận kỹ thuật cũng như phối hợp với nha sĩ.

10.20. Phục hình 1 (Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa)

6TC

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu

Nội dung: Học phần này được thực hiện trong năm thứ ba nhằm trang bị cho sinh viên khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong thiết kế và thực hiện phục hình tháo lắp nhựa từng phần. Khóa học được thiết kế nhằm nâng cao kỹ năng phân tích, khả năng tư duy để thiết kế và thực hiện phục hình tháo lắp từng phần.

10.21. Phục hình 2 (Hàm giả tháo lắp toàn phần nhựa)

7TC

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu và Phục hình 1

Nội dung: trang bị cho học viên kiến thức lý thuyết chung về phục hình toàn hàm bao gồm chỉ định, ưu nhược điểm của phục hình, yêu cầu của một dấu tốt, kiến thức về cần thiết tuân thủ tương quan hai hàm, nguyên tắc lên răng... Học viên được thực hành, chế tác thành thạo phục hình toàn hàm, nắm được các bước làm phục hình toàn hàm, đồng thời có thực hiện được sự trao đổi, liên kết giữa bác sỹ trên lâm sàng và kỹ thuật viên labo.

10.22. Thực tế cộng đồng

2TC

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu

Nội dung: sinh viên sẽ hiểu được các hoạt động tại cộng đồng gồm những hoạt động như thế nào, có thể tổ chức được điều tra sức khỏe cộng đồng, tổ chức được chương trình truyền thông giáo dục cho cộng đồng và viết báo cáo tổng kết hoạt động đã thực hiện.

10.23. Phục hình 3 (Hàm khung kim loại)

9TC

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu và Phục hình 1, Phục hình 2

Nội dung: Module này giúp sinh viên hiểu được thành phần, cấu trúc, đặc điểm cũng như các bước sản xuất hàm khung kim loại và có thể thực hiện được việc sản xuất các loại hàm khung. Module này được chia thành 2 submodule là:

- Phục hình 3.1 (Hàm khung kim loại 1), số tín chỉ 2 (1LT / 1TH)
- Phục hình 3.2 (Hàm khung kim loại 2), số tín chỉ 7 (1LT / 6TH)

10.24. Vệ sinh răng miệng và bệnh học miệng**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 3 kỳ học đầu tiên

Nội dung: kiến thức cơ bản về Vệ sinh răng miệng và bệnh học miệng trong răng hàm mặt, cách hướng dẫn vệ sinh răng miệng và sử dụng các biện pháp vệ sinh răng miệng. Phân loại được các tình trạng bệnh lý của bệnh học miệng.

10.25. Khí cụ chỉnh nha**7TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu

Nội dung: Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức liên quan đến hình thái-chức năng khớp cắn, các bất thường khớp cắn, phân loại khí cụ chỉnh nha và tính chất của vật liệu kim loại trong chỉnh nha. Sản xuất được các khí cụ chỉnh nha.

10.26. Thẩm mỹ, chức năng và khớp cắn**6TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu trong đó có môn Cẩn khớp học

Nội dung: Giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng sử dụng các phương tiện, công cụ cần thiết để tái tạo một khớp cắn chức năng, thẩm mỹ cho phục hình.

10.27. Hỗ trợ sự sống (BLS)**2TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu

Nội dung: Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức liên quan đến kiến thức chung về sơ cấp cứu, xử lý tình huống khi nạn nhân không phản hồi nhưng vẫn thở bình thường, các bước hỗ trợ sự sống, sử dụng máy khử rung bên ngoài tự động AED.

10.28. Phục hình 4 (Phục hình cố định)**10TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu và Phục hình 1, Phục hình 2, Phục hình 3.

Nội dung: Module này được thực hiện năm thứ 4 để trang bị cho sinh viên các kiến thức về cơ sở sinh học, cơ học, động học và cơ chế các loại phục hình cố định như inlay-onlay, veneer, chụp răng, cầu răng, chốt gắn trong ống tủy chân răng và từng phần trên răng. Mục tiêu của module nhằm giúp người học sản xuất được các loại phục hình cố định. Module này được chia ra làm 2 submodule:

- Phục hình 4.1 (Phục hình cố định 1), số tín chỉ 5 (1LT / 1TH)
- Phục hình 4.2 (Phục hình cố định 2), số tín chỉ 5 (1LT / 1TH)

10.29. Phục hình 5 (Phục hình hàm mặt)**3TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu và Phục hình 1, Phục hình 2, Phục hình 3 và Phục hình 4.

Nội dung: Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức liên quan đến các tổn thương vùng hàm mặt, các phân loại của phục hình hàm mặt và các vật liệu thực hiện phục hình hàm mặt.

10.30. Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp: **6TC**

Bao gồm 4 submodule:

- Tâm lý, đạo đức trong nha khoa 1TC (0,5LT / 0,5TH)
- Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời. 2TC (1LT / 1TH)
- Nghiên cứu khoa học 2TC (1LT / 1TH)
- Tổ chức sự kiện, công nghệ và quản trị PK nha khoa 1TC (0,5LT / 0,5TH)

Điều kiện tiên quyết:

Nội dung: trang bị cho sinh viên tính chuyên nghiệp và khuyến khích sự phát triển của việc học tập suốt đời. Khóa học được thiết kế nhằm nâng cao khả năng tự học, kỹ năng phân tích, khả năng tư duy sâu, kỹ năng giải quyết vấn đề, đạo đức nha khoa, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực được quan tâm thông qua các chương trình học tự chọn. Mục tiêu của học phần này nhằm mở rộng kiến thức, các kỹ năng nền tảng, xây dựng thái độ chuyên nghiệp và tích cực; giúp người học có thể thích ứng và làm việc trong bất kỳ môi trường nào

Phân tự chọn - Kiến thức bổ trợ/đặc thù **6TC**

10.31. Ghi hình trong Răng Hàm Mặt **3TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu

Nội dung: gồm các kiến thức cơ bản về ghi hình trong răng hàm mặt, cách thu thập dữ liệu trong nha khoa bằng các thiết bị ghi hình. Xây dựng kỹ năng sử dụng các thiết bị chụp hình, ghi hình để thu thập dữ liệu ứng dụng trong quá trình hành nghề phục hình răng và lưu trữ dữ liệu.

10.32. Thẩm mỹ nha khoa nâng cao **3TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu

Nội dung: Các yếu tố quyết định thẩm mỹ nha khoa: cơ sở phân tích và điều trị cho nụ cười. Hệ thống các tiêu chí đánh giá thẩm mỹ cho răng và nụ cười.

10.33. Nha khoa quốc tế **3TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu

Nội dung: Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức liên quan đến công nghệ in 3D sử dụng trong phục hình nha khoa để sau khi tốt nghiệp người học có thể thực hiện qui trình thiết kế và sản xuất các sản phẩm phục hình cố định và tháo lắp, học tại nước ngoài.

10.34. Công nghệ in 3D **3TC**

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của 2 năm đầu

Nội dung: Môn học này nhằm cung cấp các kiến thức liên quan đến công nghệ in 3D sử dụng trong phục hình nha khoa để sau khi tốt nghiệp người học có thể thực hiện qui trình thiết kế và sản xuất các sản phẩm phục hình cố định và tháo lắp.

10.35. Tốt nghiệp lâm sàng

3TC

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của cả 4 năm

Nội dung: Môn học này giúp các sinh viên trong học kỳ cuối chứng minh được năng lực như một cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng chính thức. Môn học này mở ra sự ứng dụng của lý thuyết vào thực hành ở mức độ cao nhất và đem lại một cơ hội cho các sinh viên để trải nghiệm và cải thiện thực hành của họ trước khi tốt nghiệp.

10.36. Tốt nghiệp lý thuyết / Khóa luận tốt nghiệp

4TC

Điều kiện tiên quyết: Đã hoàn thành các môn học của cả 4 năm

Nội dung: Khóa luận tốt nghiệp Kỹ thuật Phục hình răng có khối lượng kiến thức tương đương 04 tín chỉ. Đề tài khóa luận là những vấn đề khoa học công nghệ, kỹ thuật trong lĩnh vực Kỹ thuật Phục hình Răng. Thông qua khóa luận sinh viên học được những điểm cơ bản nhất về phương pháp nghiên cứu khoa học, có kiến thức vững vàng về vấn đề nghiên cứu và những vấn đề liên quan. Các sinh viên không đủ điều kiện làm Khóa luận tốt nghiệp thì sẽ được xét qua kỳ thi lý thuyết tổng hợp.

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Nội dung các hoạt động trong khoá đào tạo Cử nhân Kỹ thuật phục hình răng bao gồm: học lý thuyết và thực tập tại cơ sở thực tập của Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, thi kết thúc các học phần; thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc thực hiện học phần tốt nghiệp/khoá luận tốt nghiệp.

- Chương trình gồm có 120 tín chỉ, mỗi học phần đã được xác định số tín chỉ (bao gồm cả lý thuyết và thực hành). Chương trình mỗi học phần bao gồm: Mô tả học phần; Mục tiêu; Nội dung; Hướng dẫn thực hiện học phần; Phương pháp giảng dạy; Phương pháp lượng giá; Tài liệu tham khảo và thông tin giảng viên.

- Nội dung các học phần đề cập đến tên các bài học, số giờ từng bài đủ 100% tổng số giờ tín chỉ của học phần.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Phục hình răng thể hiện mục tiêu, quy định về nội dung, yêu cầu định mức khối lượng kiến thức và kỹ năng, thời gian đào tạo ngành.

- Việc triển khai chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Y tế chỉ đạo thực hiện. Trên cơ sở chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Trường xây dựng và ban hành giáo trình, tài liệu giảng dạy.

11.1. Chương trình khung đào tạo

Trong quá trình tổ chức thực hiện, chủ động bố trí và điều chỉnh kế hoạch giảng dạy các môn học/học phần giữa các học kỳ trong toàn khoá học nhưng phải đảm bảo tính lôgic và hệ

thống khối kiến thức trong chương trình, tuân thủ các điều kiện tiên quyết của từng môn học/học phần và các quy định hiện hành có liên quan.

11.2. Thực tập, thực tế cộng đồng

11.2.1. Thực tập phòng thí nghiệm và phòng thực hành

Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và phòng thực hành phải theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế. Tùy theo yêu cầu của nghề nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu và chất lượng đào tạo, Nhà trường quy định điểm kết thúc mỗi môn học/học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập.

11.2.2. Thực tập cộng đồng

Tổ chức cho sinh viên thực hành các kỹ thuật tại một số công ty, nhà máy, xưởng sản xuất có các đối tượng có chỉ định làm phục hình răng.

11.2.3. Thực tập tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp tại Trung tâm kỹ thuật cao khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt và một số Labo liên kết đào tạo với Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt.

11.3. Phương pháp dạy học

- Tăng cường phương pháp dạy học qua mạng (tối đa 30% toàn chương trình theo quy định hiện hành về đào tạo qua mạng) và áp dụng các phương pháp dạy theo chương trình đổi mới đào tạo hiện nay.

- Đảm bảo đủ sách giáo khoa, giáo trình và tài liệu tham khảo, vật liệu dạy học cho sinh viên.

- Khuyến khích bổ sung thêm thêm thời gian tự học và nghiên cứu, có hướng dẫn bởi giảng viên/ hướng dẫn tự học, nghiên cứu và định hướng học tập/nghiên cứu.

- Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập trong phòng thực hành bằng cách phân công giảng viên kết hợp theo dõi giám sát các hoạt động của sinh viên để tăng cường trong giám sát đánh giá quá trình học tập.

- Các phương pháp giảng dạy

Lý thuyết

- LEC (Lecture): là phương pháp thuyết trình
- SEM (Semina)
- TBL (Team Based Learning): Phương pháp dạy học theo nhóm

Thực hành

- SKL (Skill Lab): Phương pháp dạy học tiền lâm sàng tại Skills lab
- ROL (Role Play): Phương pháp dạy học đóng vai
- LAB

- Checklist: Phương pháp dạy học theo bảng kiểm

11.4. Đánh giá người học

Kiểm tra đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần theo Quy chế và các quy định hiện hành của Trường, cụ thể đối với các môn học/học phần thuộc khối kiến thức đại cương và các môn chung, kiến thức cơ sở, môn học/học phần tiền lâm sàng và một số môn học/học phần thực hành, sau mỗi học phần sinh viên có ít nhất một điểm thi kết thúc học phần và được thể hiện cách thức đánh giá học phần cụ thể trong chương trình chi tiết môn học/học phần/module.

Đối với môn học/học phần tiền lâm sàng và một số môn học/học phần thực hành, sau mỗi học phần sinh viên có một điểm thi kết thúc học phần.

Đối với các môn học/học phần có thực hành, phần lý thuyết (đánh giá như học phần chỉ có lý thuyết) và thực hành (đánh giá như học phần chỉ có thực hành) hoặc có tổng hợp từ hai đầu điểm theo tỷ lệ và được áp dụng quy định về tổ chức đào tạo hiện hành.

12. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

12.1. Các văn bản tài liệu vận dụng

Luật số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc Hội về Luật khám chữa bệnh.

Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Quyết định 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của Giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025.

Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, sửa đổi bổ sung theo Thông tư 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ Y tế.

Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

Thông tư 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Công văn 769/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 20/4/2018 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, được thay thế theo công văn số 1669/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 31/12/2019 của Cục khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Công văn 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

Công văn số 2435/BGDĐT – GDĐH ngày 14/4/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát chuẩn đầu ra và biên soạn giáo trình;

Quyết định 3660/QĐ-ĐHYHN ngày 15/9/2020 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển trương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội.

Quyết định 3664/QĐ-ĐHYHN ngày 05/8/2019 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định thi, đánh giá học phần, thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh sau đại học.

12.2. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phục hình răng tham khảo trong nước

- Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phục hình răng - Trường Đại học Y dược TP HCM.
- Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phục hình răng - Trường Đại học Y dược Cần Thơ
- Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật phục hình răng - Trường Cao đẳng y tế Khánh Hoà:

Nhìn chung chương trình giữa các trường giống nhau, tuy nhiên có sự khác biệt nhiều ở phần Giáo dục đại cương. Phần giáo dục chuyên ngành nội dung cơ bản giống nhau, nhưng do đào tạo của Viện ĐT RHM theo module nên cách sắp xếp có một phần khác nhau khi so sánh với các trường đào tạo theo các học phần riêng lẻ như Trường Đại học Y dược TP HCM, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Trường Cao đẳng y tế Khánh Hoà.

12.3. Chương trình đào tạo ngành kỹ thuật Phục hình răng tham khảo nước ngoài

1. Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng của trường Đại học Trinity, Dublin- Ireland: Kỹ thuật viên phục hình Nha khoa tại Trinity là chương trình kéo dài ba năm. Kỹ thuật viên phục hình nha khoa được chia làm 4 lĩnh vực chính – phục hình cố định,

công nghệ làm răng giả toàn phần, công nghệ làm răng giả tháo lắp và công nghệ chỉnh nha. Chương trình của trường bao gồm các Mô-đun theo từng năm với tổng 15 Mô-đun, sinh viên sẽ được học các kỹ năng trong phòng thí nghiệm ngay từ những năm đầu tiên. Mô-đun của năm 1: Phục hình răng cố định, khớp cắn và chức năng; Hàm giả tháo lắp bán phần và toàn phần, Khí cụ chỉnh nha, Vật lý, Hoá học. Mô-đun của năm 2: Phục hình răng cố định; Hàm giả tháo lắp toàn phần; Khí cụ chỉnh nha, Hàm giả tháo lắp bán phần, Khoa học vật liệu nha khoa, Nghiên cứu kinh doanh. Mô-đun của năm 3: Phục hình răng cố định, Hàm giả tháo lắp bán phần và toàn phần, Khí cụ chỉnh nha; Luận văn. Mục đích chính của khóa học là giáo dục và đào tạo sinh viên có thể lập kế hoạch, thiết kế và chế tạo các khí cụ trong miệng.

2. Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng của trường Đại học NAIT, Canada: Chương trình của trường bao gồm các môn với tổng 20 Mô-đun (70 tín chỉ), sinh viên sẽ được học các kỹ năng trong phòng thí nghiệm xuyên suốt 3 năm học tại trường. Các kỹ thuật sẽ được dạy từ cơ bản đến nâng cao. Năm 1 gồm có các môn: Giới thiệu kỹ năng phòng thí nghiệm nha khoa, Giải phẫu hàm mặt, Răng giả tháo lắp toàn phần, Phục hình cố định, Phòng chống và kiểm soát nhiễm trùng, Hàm giả tháo lắp bán phần, Chỉnh nha, Hàm giả tháo lắp toàn phần mức độ trung cấp, Phục hình răng cố định mức độ trung cấp, Giáo dục nha khoa chuyên nghiệp. Năm 2 gồm có: Bố trí phòng thí nghiệm và công nghệ trong nha khoa, Hàm giả tháo lắp bán phần mức độ trung cấp, Khí chỉnh nha mức độ trung cấp, Hàm giả tháo lắp toàn phần nâng cao, Phục hình cố định nâng cao. Năm 3 gồm: Hàm giả tháo lắp bán phần nâng cao, Khí chỉnh nha nâng cao, Hàm giả tháo lắp toàn phần trong ứng dụng thực tiễn, Phục hình cố định trong phục hình thực tiễn. Trong chương trình, sinh viên sẽ được dạy cách tái tạo hình dáng tự nhiên của răng trong các phục hình cố định như chụp răng và phục hình cấy ghép với răng sứ kết hợp với hợp kim kim loại và vật liệu sứ toàn phần. Đối với các thiết bị chỉnh hình như khí cụ chỉnh nha, bạn sẽ tìm hiểu các lực vật lý và sinh cơ học khi xử lý sáp, dây cung và vật liệu acrylic.

3. Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng của trường Đại học Dental Technology Sciences - Vancouver Community college, Canada: Chương trình đào tạo diễn ra trong 5 học kỳ, với 11 tín chỉ. Học kỳ 1 gồm Mô-đun: Công nghệ nha khoa cơ bản, Khoa học trong sinh học 1, Thực hành chuyên môn 1, Phòng thí nghiệm nha khoa trong chăm sóc bệnh nhân 1, Công nghệ số trong nha khoa 1. Học kỳ 2 gồm các Mô-đun: Khoa học trong sinh học 2, Phục hình tháo lắp 1, Phục hình cố định 1, Chỉnh nha 1, Phòng thí nghiệm nha khoa trong Chăm sóc bệnh nhân 2, Công nghệ số trong nha khoa 2. Học kỳ 3 gồm các Mô-đun: Thực hành chuyên môn 2, Phục hình tháo lắp 2, Phục hình cố định 2, Chỉnh nha 2, Công nghệ số trong nha khoa 3. Học kỳ 4 gồm Mô-đun: Phục hình tháo lắp 3, Phục hình cố định 3, Chỉnh nha 3. Học kỳ 5 gồm Mô-đun: Thực hành chuyên môn 3, Thực hành công nghệ nha khoa. Học sinh sẽ học

kiến thức cơ bản, kỹ năng và kỹ thuật trong phòng thí nghiệm cần thiết để hỗ trợ thiết kế và chế tạo các phục hình cố định đơn lẻ, răng giả tháo lắp bán phần hoặc toàn phần cũng như các dụng cụ chỉnh nha cố định và tháo lắp đơn giản.

4. Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng của trường Đại học Tallinna, Esconia: Mục tiêu của chương trình giảng dạy kỹ thuật viên nha khoa là đào tạo các kỹ thuật viên nha khoa có thể tạo ra những bộ răng giả hiện đại và chất lượng. Hàng năm, khi kết thúc môn học cơ bản, sinh viên được làm quen kiến thức, kỹ năng tại các cơ sở đào tạo thực tế trong điều kiện làm việc thực tế với sự hướng dẫn của các kỹ thuật viên nha khoa giàu kinh nghiệm. Người đã tốt nghiệp đang học tập phải có khả năng phát triển chuyên môn, Có thể chuẩn bị răng giả và dụng cụ điều trị chỉnh nha bằng các phương pháp và công nghệ thích hợp, có thể lập kế hoạch và đánh giá phục hình đã tạo. Chương trình giảng dạy diễn ra trong 3,5 năm, với 9 Mô-đun bao quát hết toàn bộ các kỹ năng cần có cho kỹ thuật viên phục hình. **Mô-đun Phục hồi Nha khoa I:** Phục hình hàm nhựa I, Phục hình hàm nhựa II, Đào tạo Thực hành – Phục hình hàm nhựa, Đào tạo Thực hành thực tế. **Mô-đun Phục hồi Nha khoa II:** Răng giả bán phần hoặc toàn phần I, Răng giả bán phần hoặc toàn phần II, Chỉnh nha, Đào tạo thực hành – Răng giả bán phần I, Đào tạo thực hành – Răng giả bán phần II, Răng giả kết hợp. **Mô-đun Phục hồi Nha khoa III:** Phục hình cố định I, Đào tạo thực hành – Phục hình cố định I, Phục hình cố định II, Đào tạo thực hành – Phục hình cố định II. **Mô-đun nghiên cứu về chức năng:** Thẩm mỹ, Chức năng và khớp cắn, Hình thái răng, Nghiên cứu chuyên sâu. **Mô-đun Cơ bản về Chăm sóc Sức khỏe:** Giải phẫu và Sinh lý học, Bệnh lý học, Sức khỏe Cộng đồng, An toàn Lao động, Giải phẫu và Sinh lý học II, Bệnh lý học và vệ sinh trong răng miệng. **Mô-đun Cơ bản về Nghiên cứu Vật liệu và Màu sắc:** Nghiên cứu Vật liệu I, Nghiên cứu Vật liệu II, Nghiên cứu Vật liệu và Màu sắc. **Mô-đun Phát triển Chuyên môn:** Giới thiệu về Học tập, Quản lý và Khởi nghiệp, Dịch vụ Khách hàng, Tâm lý học, Phát triển Chuyên môn, Công nghệ Chăm sóc Sức khỏe và Y tế số. **Mô-đun Phương pháp nghiên cứu học phần:** Cơ sở nghiên cứu I, Cơ sở nghiên cứu II, Luận văn tốt nghiệp I, Luận văn tốt nghiệp II. **Mô-đun Môn học tự chọn:** Tổng quan về Hình thái Răng, Vệ sinh răng miệng và Chăm sóc răng giả.

PHỤ LỤC 1:
**ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG -
MỘT SỐ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

1. Trường Đại học Y Dược TP HCM:

Xin xem theo đường link sau đây:

https://admin.ump.edu.vn/uploads/ckeditor/files/Truong/DaoTaoDaiHoc/ChuongTrinhDaoTao/2022/2155_30082022_QD_ChuongTrinhDaoTao_PHR.pdf

2. Trường Y Dược Cần Thơ:

Xin xem theo đường link sau đây:

<https://drive.google.com/file/d/1x9SwAOTisqrkMzKxg0lfjVT03a1A90Ty/view>

3. Trường Cao đẳng y tế Khánh Hoà:

Xin xem theo đường link sau đây:

<https://cyk.edu.vn/wp-content/uploads/2018/11/Ch%C6%B0%C6%A1ng-tr%C3%ACnh-trung-c%E1%BA%A5p-Ph%E1%BB%A5c-h%C3%ACnh-r%C4%83ng-ch%C3%ADnh-quy.pdf>

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH PHR CỦA ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI VỚI ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

PHỤC HÌNH RĂNG - HMU 2023

| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
|-----------|---|-------------------|------------------|------------------|
| | | Tổng | LT | TH |
| I | <i>Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (bao gồm phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i> | | | |
| 1 | Các môn chung * | 35,5 | 28 | 7,5 |
| 2 | Kiến thức cơ sở khối ngành | 7,5 | 4 | 3,5 |
| II | <i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:</i> | | | |
| 1 | Kiến thức cơ sở ngành | 8 | 6 | 2 |
| 2 | Kiến thức ngành | 56 | 20 | 36 |
| 3 | Kiến thức bổ trợ (Tự chọn) | 6 | 4 | 2 |
| 4 | Thực tế và thi tốt nghiệp | 7 | 4 | 3 |
| | <i>Tổng cộng</i> | <i>120</i> | <i>66</i> | <i>54</i> |

PHỤC HÌNH RĂNG - Cần Thơ 2022

| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
|-----------|---|-------------------|------------------|------------------|
| | | Tổng | LT | TH |
| I | <i>Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i> | | | |
| 1 | Các môn chung * | 19 | 18 | 1 |
| 2 | Kiến thức cơ sở khối ngành | 17 | 12 | 5 |
| II | <i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó:</i> | | | |
| 1 | Kiến thức cơ sở ngành | 23 | 13 | 10 |
| 2 | Kiến thức ngành | 44 | 17 | 27 |
| 3 | Kiến thức bổ trợ (Tự chọn) | 7 | 1 | 4 |
| 4 | Thực tế và thi tốt nghiệp | 0 | 0 | 0 |
| | <i>Tổng cộng</i> | <i>110</i> | <i>61</i> | <i>47</i> |

** Không tính GDQP an ninh và Thể dục*

| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
|----|--------------------|------------|----|----|
| | | Tổng | LT | TH |

Kiến thức giáo dục đại cương

| | Các môn chung | | | |
|---|---------------------------------|---|---|---|
| 1 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 |
| 5 | Đảng Cộng Sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 |
| 6 | Tiếng Anh (Có chuyên ngành) | | | |
| | <i>Tiếng Anh I</i> | 2 | 2 | 0 |
| | <i>Tiếng Anh II</i> | 2 | 2 | 0 |
| | <i>Tiếng Anh III</i> | 2 | 2 | 0 |
| 7 | Định hướng & sinh hoạt đầu khoá | 2 | 1 | 1 |
| 8 | Tin học đại cương | 2 | 1 | 1 |
| 9 | Giáo dục thể chất * | | | |
| | <i>Giáo dục thể chất I, II</i> | 2 | 0 | 2 |

| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
|----|--------------------|------------|----|----|
| | | Tổng | LT | TH |

Kiến thức giáo dục đại cương

| | Các môn chung | | | |
|---|--------------------------------|---|---|---|
| 1 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 |
| | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 |
| | Đảng Cộng Sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 |
| 4 | Ngoại ngữ (Có NN chuyên ngành) | 6 | 6 | 0 |
| | <i>Ngoại ngữ I</i> | 3 | | |
| | <i>Ngoại ngữ II</i> | 3 | | |
| | <i>Ngoại ngữ III</i> | | | |
| 5 | Tin học đại cương | 2 | 1 | 1 |
| 6 | Giáo dục thể chất * | 3 | 0 | 3 |
| | <i>Giáo dục thể chất I, II</i> | | | |

| | | | | |
|---------------------------------|------------------------------------|-------------|-----------|------------|
| | <i>Giáo dục thể chất III</i> | 1 | 0 | 1 |
| 10 | Y học thể dục thể thao | 1 | 1 | 0 |
| 11 | Giáo dục quốc phòng – an ninh* | 8,5 | 6 | 2,5 |
| 12 | Nhà nước và Pháp luật | 2 | 2 | 0 |
| Tổng cộng | | 35,5 | 28 | 7,5 |
| Các môn cơ sở khối ngành | | | | |
| 13 | Giải phẫu và Di truyền | 2 | 1 | 1 |
| <i>Giải phẫu</i> | | | | |
| <i>Di truyền Răng Hàm Mặt</i> | | | | |
| 14 | Nguyên tử, phân tử, tế bào | 2 | 1 | 1 |
| 15 | Vô khuẩn và an toàn trong lao động | 2 | 1 | 1 |
| 16 | Vi sinh và thuốc sát trùng | 1,5 | 1 | 0,5 |
| Tổng cộng | | 7,5 | 4 | 3,5 |

| | | | | |
|---------------------------------|---|-----------|-----------|----------|
| | <i>Giáo dục thể chất III</i> | | | |
| | Y học thể dục thể thao | | | |
| 7 | Giáo dục quốc phòng – an ninh* | 9 | 7 | 2 |
| Tổng cộng | | 19 | 18 | 1 |
| Các môn cơ sở khối ngành | | | | |
| 1 | Sinh học và Di truyền | 2 | 1 | 1 |
| <i>Sinh học</i> | | | | |
| <i>Di truyền Răng Hàm Mặt</i> | | | | |
| 2 | Lý sinh | 2 | 1 | 1 |
| 3 | Hóa học | 2 | 1 | 1 |
| | Hợp lý hoá trong thực hành nha khoa | 3 | 2 | 1 |
| | Kiểm soát nhiễm khuẩn trong nha khoa | 2 | 1 | 1 |
| | Tin học ứng dụng trong thực hành nha khoa | 2 | 1 | 1 |
| 4 | Xác suất thống kê y học | 2 | 2 | 0 |
| 5 | Tâm lý y học – Đạo đức Y học | 2 | 2 | 0 |
| | Tổ chức quản lý và chính sách y tế | 1 | 1 | 0 |
| 6 | Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khoẻ | 1 | 1 | 0 |
| Tổng cộng | | 17 | 12 | 5 |

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Kiến thức cơ sở ngành

| | | | | |
|----|--|---|---|---|
| 17 | Giải phẫu răng, Mô phôi răng, Sinh học miệng | 2 | 1 | 1 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| 18 | Khái niệm cơ bản về vật liệu và màu sắc | 4 | 3 | 1 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Kiến thức cơ sở ngành

| | | | | |
|---|--|---|---|---|
| 1 | Giải phẫu ứng dụng hàm mặt | 2 | 1 | 1 |
| | Giải phẫu Răng | 3 | 1 | 2 |
| 2 | Mô phôi và sinh học miệng | 2 | 1 | 1 |
| | Mô phôi răng miệng | 1 | 1 | 0 |
| | Vật lý ứng dụng | | | |
| | Hóa học ứng dụng | | | |
| | Công nghệ vật liệu | | | |
| | Cơ khí ứng dụng | | | |
| | Mỹ thuật ứng dụng | | | |
| | Vật liệu nha khoa | 2 | 1 | 1 |
| | Cẩn khớp học | ? | ? | ? |
| | Sinh cơ học phục hình răng | 2 | 1 | 1 |
| | Dấu và mẫu trong KT PHR | 2 | 1 | 1 |
| | Ghi và tái lập các tương quan răng mặt | 1 | 1 | 0 |
| | Kỹ thuật sáp trong nha khoa | 2 | 1 | 1 |

| | | | | |
|------------------|---|----------|----------|----------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| 19 | Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa | 2 | 2 | 0 |
| | | | | |
| Tổng cộng | | 8 | 6 | 2 |

Kiến thức ngành và chuyên ngành

| | | | | |
|----|--|---|-----|-----|
| | | | | |
| | | | | |
| 20 | Tâm lý, đạo đức trong nha khoa (PPD1) | 1 | 0,5 | 0,5 |
| 21 | Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời (PPD2) | 2 | 1 | 1 |
| 22 | Phục hình 1 (Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa) | 6 | 2 | 4 |
| 23 | Phục hình 2 (Hàm giả tháo lắp toàn phần nhựa) | 7 | 2 | 5 |
| 24 | Nghiên cứu khoa học (PPD3) | 2 | 1 | 1 |

| | | | | |
|--|--|-----------|-----------|-----------|
| | Kỹ thuật nhựa trong nha khoa | 2 | 1 | 1 |
| | Lưu và bền chắc | | | |
| | Gia công kim loại trong KT PHR | | | |
| | Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa | 2 | 2 | 0 |
| | Thuật ngữ chuyên ngành | 2 | 1 | 1 |
| Tổng cộng | | 23 | 13 | 10 |
| Kiến thức ngành và chuyên ngành | | | | |
| | Đại cương kỹ thuật phục hình răng hàm mặt | 1 | 1 | 0 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | Kỹ thuật phục hình tháo lắp bán phần nền nhựa | 2 | 1 | 1 |
| | Kỹ thuật phục hình tháo lắp khung bộ | 2 | 1 | 1 |
| | | | | |

| | | | | |
|----|---|---|-----|-----|
| 25 | Thực tế cộng đồng | 2 | 1 | 1 |
| 26 | Phục hình 3.1 (Hàm khung kim loại 1) | 2 | 1 | 1 |
| 27 | Phục hình 3.2 (Hàm khung kim loại 2) | 7 | 1 | 6 |
| 28 | Vệ sinh răng miệng và bệnh học miệng | 3 | 2 | 1 |
| 29 | Khí cụ chỉnh nha | 4 | 2 | 2 |
| 30 | Thẩm mỹ, chức năng và khớp cắn | 4 | 2 | 2 |
| 31 | Hỗ trợ sự sống (BLS) | 2 | 1 | 1 |
| 32 | Phục hình 4.1 (Phục hình cố định 1) | 5 | 1 | 4 |
| 33 | Phục hình 4.2 (Phục hình cố định 2) | 5 | 1 | 4 |
| 34 | Tổ chức sự kiện, công nghệ và quản trị phòng khám nha khoa (PPD4) | 1 | 0,5 | 0,5 |
| 35 | Phục hình 5 (Phục hình hàm mặt) | 3 | 1 | 2 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | | | |
|--|---|---|---|---|
| | | | | |
| | Kỹ thuật phục hình cố định kim loại toàn diện | 2 | 1 | 1 |
| | | | | |
| | CAD/CAM nha khoa | 2 | 1 | 1 |
| | Kỹ thuật chỉnh hình răng mặt | 3 | 1 | 2 |
| | Kỹ thuật phục hình hàm mặt | 3 | 1 | 2 |
| | Kỹ thuật phục hình cố định sứ - kim loại | 2 | 1 | 1 |
| | Quản lý phòng labo nha khoa | 2 | 1 | 1 |
| | Kỹ thuật phục hình cố định toàn sứ | 3 | 1 | 2 |
| | | | | |
| | | | | |
| | Kỹ thuật phục hình tháo lắp khung bộ liên kết | 3 | 1 | 2 |
| | Kỹ thuật phục hình răng trên Implant | 3 | 1 | 2 |
| | | | | |

| | | | | |
|------------------|--|-----------|-----------|-----------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng cộng | | 56 | 20 | 36 |

| | | | | |
|------------------|--|-----------|-----------|-----------|
| | Phối hợp labo - lâm sàng phục hình răng I | 3 | 0 | 3 |
| | Sửa chữa phục hình | 2 | 1 | 1 |
| | Phối hợp labo - lâm sàng phục hình răng II | 3 | 0 | 3 |
| | Nha khoa bằng chứng | 2 | 1 | 1 |
| | Nha khoa kỹ thuật số | 2 | 1 | 1 |
| | Ghi hình trong nha khoa | 2 | 1 | 1 |
| | Chọn mẫu răng trong phục hình răng | 2 | 1 | 1 |
| Tổng cộng | | 44 | 17 | 27 |

Kiến thức bổ trợ/đặc thù – (Lựa chọn): 2 tín chỉ

| | | | | |
|----|-----------------------------|---|---|---|
| 35 | Tự chọn 1: | 3 | 2 | 1 |
| | Ghi hình trong Răng Hàm Mặt | 3 | 2 | 1 |
| | Thăm mỹ nha khoa nâng cao | 3 | 2 | 1 |

Kiến thức bổ trợ/đặc thù – (Lựa chọn): 2 tín chỉ

| | | | | |
|---|---------------------|---|---|---|
| 1 | Tự chọn: | 1 | 0 | 1 |
| | Bảo hiểm y tế | 1 | 0 | 1 |
| | Sức khỏe môi trường | 1 | 0 | 1 |

| | | | | |
|----|------------------|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| 36 | Tự chọn 2: | 3 | 2 | 1 |
| | Nha khoa quốc tế | 3 | 2 | 1 |
| | Công nghệ in 3D | 3 | 2 | 1 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | | | |
|---|--|---|---|---|
| | Y học đáp ứng với thảo hoá - Y học quân sự | 1 | 0 | 1 |
| | | 1 | 0 | 1 |
| | | 1 | 1 | 0 |
| 2 | Bổ trợ nhóm 1: Phục hình răng tháo lắp | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng tháo lắp bán phần nâng cao | 3 | 1 | 2 |
| | Kỹ thuật máng hướng dẫn điều trị nha khoa | 3 | 1 | 2 |
| | Kỹ thuật phục hình răng tháo lắp toàn hàm nâng cao | 3 | 1 | 2 |
| 3 | Bổ trợ nhóm 2: Phục hình răng cố định | | | |
| | Kỹ thuật phục hình răng cố định nâng cao | 3 | 1 | 2 |
| | Thiết kế nụ cười | 3 | 1 | 2 |
| 4 | Bổ trợ nhóm 3: Phục hình hàm mặt - chỉnh hình | | | |
| | Kỹ thuật chỉnh hình răng hàm mặt nâng cao | 3 | 1 | 2 |

| | | | | |
|------------------|--|----------|----------|----------|
| | | | | |
| Tổng cộng | | 6 | 4 | 2 |

Thực tế và thi tốt nghiệp

| | | | | |
|------------------|--|----------|----------|----------|
| | Tốt nghiệp Cử nhân kỹ thuật phục hình răng | 7 | 4 | 3 |
| Tổng cộng | | 7 | 4 | 3 |

| | | | | |
|------------------|--|----------|----------|----------|
| | Kỹ thuật phục hình răng hàm mặt nâng cao | 3 | 1 | 2 |
| Tổng cộng | | 7 | 1 | 4 |

Thực tế và thi tốt nghiệp

| | | | | |
|------------------|--|--|--|--|
| | Tốt nghiệp Cử nhân kỹ thuật phục hình răng | | | |
| Tổng cộng | | | | |

BẢNG ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH PHR CỦA ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI VỚI ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM

| PHỤC HÌNH RĂNG - HMU 2023 | | | | |
|----------------------------------|--|------------|-----------|-----------|
| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
| | | Tổng | LT | TH |
| I | Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (bao gồm phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh) | | | |
| 1 | Các môn chung * | 35,5 | 28 | 7,5 |
| 2 | Kiến thức cơ sở khối ngành | 7,5 | 4 | 3,5 |
| II | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó: | | | |
| 1 | Kiến thức cơ sở ngành | 8 | 6 | 2 |
| 2 | Kiến thức ngành | 56 | 20 | 36 |
| 3 | Kiến thức bổ trợ (Tự chọn) | 6 | 4 | 2 |
| 4 | Thực tế và thi tốt nghiệp | 7 | 4 | 3 |
| | Tổng cộng | 120 | 66 | 54 |

| PHỤC HÌNH RĂNG - HCM 2022 | | | | |
|----------------------------------|--|------------|-----------|----------|
| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
| | | Tổng | LT | T |
| I | Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu (chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh) | | | |
| 1 | Các môn chung * | 17 | 16 | |
| 2 | Kiến thức cơ sở khối ngành | 9 | 8 | |
| II | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu, trong đó: | | | |
| 1 | Kiến thức cơ sở ngành | 15 | 10 | |
| 2 | Kiến thức ngành | 79 | 20 | 5 |
| 3 | Kiến thức bổ trợ (Tự chọn) | 1 | 0 | |
| 4 | Thực tế và thi tốt nghiệp | 3 | 1 | |
| | Tổng cộng | 124 | 55 | 6 |

** Không tính GDQP an ninh và Thể dục*

| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
|----|--------------------|------------|----|----|
| | | Tổng | LT | TH |

Kiến thức giáo dục đại cương

| <i>Các môn chung</i> | | | | |
|----------------------|---------------------------------|-----|---|-----|
| 1 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 |
| 5 | Đảng Cộng Sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 |
| 6 | Tiếng Anh (Có chuyên ngành) | | | |
| | <i>Tiếng Anh I</i> | 2 | 2 | 0 |
| | <i>Tiếng Anh II</i> | 2 | 2 | 0 |
| | <i>Tiếng Anh III</i> | 2 | 2 | 0 |
| 7 | Định hướng & sinh hoạt đầu khoá | 2 | 1 | 1 |
| 8 | Tin học đại cương | 2 | 1 | 1 |
| 9 | Giáo dục thể chất * | | | |
| | <i>Giáo dục thể chất I, II</i> | 2 | 0 | 2 |
| | <i>Giáo dục thể chất III</i> | 1 | 0 | 1 |
| 10 | Y học thể dục thể thao | 1 | 1 | 0 |
| 11 | Giáo dục quốc phòng – an ninh* | 8,5 | 6 | 2,5 |
| 12 | Nhà nước và Pháp luật | 2 | 2 | 0 |

| TT | Khối lượng học tập | Số tín chỉ | | |
|----|--------------------|------------|----|---|
| | | Tổng | LT | T |

Kiến thức giáo dục đại cương

| <i>Các môn chung</i> | | | | |
|----------------------|--------------------------------|---|---|---|
| 1 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 |
| | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 |
| | Đảng Cộng Sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 |
| 4 | Ngoại ngữ (Có NN chuyên ngành) | 4 | 4 | 0 |
| | <i>Ngoại ngữ I</i> | 2 | | |
| | <i>Ngoại ngữ II</i> | 2 | | |
| | <i>Ngoại ngữ III</i> | | | |
| 5 | Tin học đại cương | 2 | 1 | |
| 6 | Giáo dục thể chất * | 3 | 0 | |
| | <i>Giáo dục thể chất I, II</i> | | | |
| | <i>Giáo dục thể chất III</i> | | | |
| | Y học thể dục thể thao | | | |
| 7 | Giáo dục quốc phòng – an ninh* | 9 | 7 | |

| | | | | |
|------------------|---|----------|----------|----------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| 18 | Khái niệm cơ bản về vật liệu và màu sắc | 4 | 3 | 1 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| 19 | Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa | 2 | 2 | 0 |
| | | | | |
| Tổng cộng | | 8 | 6 | 2 |

Kiến thức ngành và chuyên ngành

| | | | | |
|------------------|---|-----------|-----------|----------|
| | Mô phôi răng miệng | 1 | 1 | 0 |
| | Vật lý ứng dụng | | | |
| | Hóa học ứng dụng | | | |
| | Công nghệ vật liệu | | | |
| | Cơ khí ứng dụng | | | |
| | Mỹ thuật ứng dụng | | | |
| | Vật liệu nha khoa | 2 | 2 | 0 |
| | Cẩn khớp học | 2 | 1 | 0 |
| | Sinh cơ học phục hình răng | | | |
| | Dấu (khuôn) và mẫu trong KT PHR | | | |
| | Ghi và tái lập các tương quan | | | |
| | Tạo mẫu và kỹ thuật sáp | | | |
| | Tạo mẫu và kỹ thuật nhựa | | | |
| | Lưu và bền chắc | | | |
| | Gia công kim loại trong KT PHR | | | |
| | Trang thiết bị và quản lý labo nha khoa | 2 | 2 | 0 |
| | | | | |
| Tổng cộng | | 15 | 10 | 0 |

Kiến thức ngành và chuyên ngành

| | | | | |
|----|--|---|-----|-----|
| | | | | |
| | | | | |
| 20 | Tâm lý, đạo đức trong nha khoa (PPD1) | 1 | 0,5 | 0,5 |
| 21 | Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời (PPD2) | 2 | 1 | 1 |
| 22 | Phục hình 1 (Hàm giả tháo lắp từng phần nhựa) | 6 | 2 | 4 |
| 23 | Phục hình 2 (Hàm giả tháo lắp toàn phần nhựa) | 7 | 2 | 5 |
| 24 | Nghiên cứu khoa học (PPD3) | 2 | 1 | 1 |
| 25 | Thực tế cộng đồng | 2 | 1 | 1 |
| 26 | Phục hình 3.1 (Hàm khung kim loại 1) | 2 | 1 | 1 |
| 27 | Phục hình 3.2 (Hàm khung kim loại 2) | 7 | 1 | 6 |
| 28 | Vệ sinh răng miệng và bệnh học miệng | 3 | 2 | 1 |
| 29 | Khí cụ chỉnh nha | 4 | 2 | 2 |
| 30 | Thẩm mỹ, chức năng và khớp cắn | 4 | 2 | 2 |

| | | | | |
|--|--|---|---|---|
| | Đại cương kỹ thuật phục hình răng hàm mặt | 1 | 1 | 0 |
| | Kỹ thuật phục hình tháo lắp toàn phần | 6 | 2 | 4 |
| | | | | |
| | | | | |
| | Kỹ thuật phục hình tháo lắp từng phần nền nhựa | 4 | 1 | 3 |
| | Kỹ thuật phục hình tháo lắp khung bộ | 5 | 2 | 3 |
| | | | | |
| | Thực tập thực địa | 3 | 0 | 3 |
| | Kỹ thuật phục hình cố định kim loại toàn diện | 8 | 2 | 6 |
| | | | | |
| | CAD/CAM nha khoa | 5 | 1 | 4 |
| | Kỹ thuật chỉnh hình răng mặt | 4 | 2 | 2 |
| | Kỹ thuật phục hình hàm mặt | 2 | 1 | 1 |

| | | | | |
|------------------|---------------------------|----------|----------|----------|
| | Thẩm mỹ nha khoa nâng cao | 3 | 2 | 1 |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| 36 | Tự chọn 2: | 3 | 2 | 1 |
| | Nha khoa quốc tế | 3 | 2 | 1 |
| | Công nghệ in 3D | 3 | 2 | 1 |
| Tổng cộng | | 6 | 4 | 2 |

Thực tế và thi tốt nghiệp

| | | | | |
|------------------|--|----------|----------|----------|
| | Tốt nghiệp Cử nhân kỹ thuật phục hình răng | 7 | 4 | 3 |
| Tổng cộng | | 7 | 4 | 3 |

| | | | |
|------------------|--|----------|----------|
| | Kỹ thuật phục hình răng hàm mặt nâng cao | 1 | 0 |
| | Mỹ học răng hàm mặt | 1 | 0 |
| | Trao đổi sinh viên quốc tế | 1 | 0 |
| | Nha khoa dựa trên bằng chứng | 1 | 1 |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| Tổng cộng | | 1 | 0 |

Thực tế và thi tốt nghiệp

| | | | |
|------------------|--|----------|----------|
| | Tốt nghiệp Cử nhân kỹ thuật phục hình răng | 3 | 1 |
| Tổng cộng | | 3 | 1 |

PHỤ LỤC 2:
ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG -
MỘT SỐ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI

1. Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng của trường Đại học Trinity, Dublin- Ireland:

Xin xem theo đường link sau:

<https://www.tcd.ie/courses/undergraduate/courses/dental-technology/>

2. Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng của trường Đại học NAIT, Canada:

Xin xem theo đường link sau:

<https://www.nait.ca/programs/dental-technology?term=2023-fall&overviewtabs=courses-tab>

3. Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng của trường Đại học Dental Technology Sciences - Vancouver Community college, Canada:

Xin xem theo đường link sau:

<https://www.vcc.ca/courses/dent-1100/?prMajor=DETS&prDept=5103>

4. Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật viên phục hình răng của trường Đại học Tallinna, Esconia:

Xin xem theo đường link sau:

<https://www.ttk.ee/en/curriculum-dental-technician>

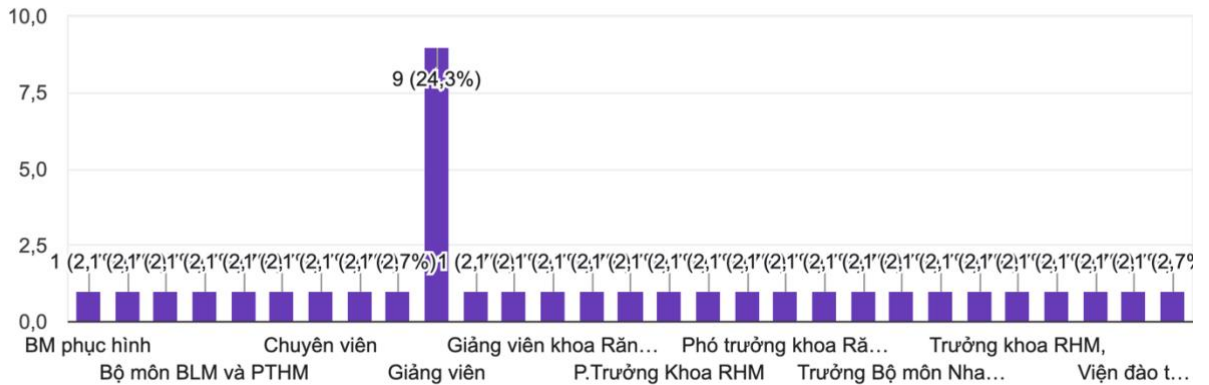
BẢNG ĐỐI SÁNH

PHỤ LỤC 3:
KẾT QUẢ KHẢO SÁT XIN Ý KIẾN HOÀN THIỆN MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA,
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Qua khảo sát xin ý kiến hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo Ngành Kỹ thuật Phục hình răng trình độ đào tạo Đại học của Trường Đại học Y Hà Nội qua hình thức biểu mẫu Google Form trực tuyến trong 1 tuần, kết quả nhận được 37 phản hồi từ các cá nhân, đơn vị, cơ quan.

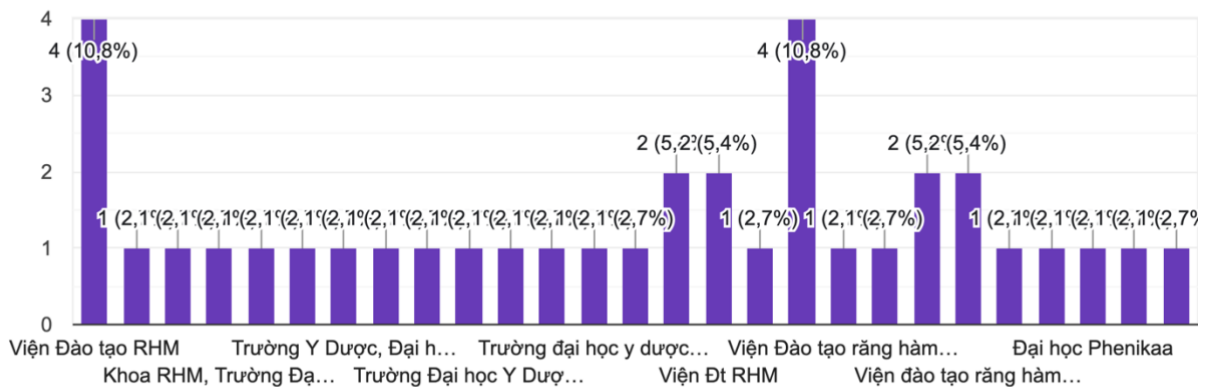
Chức vụ/ đơn vị công tác

37 câu trả lời



Cơ quan công tác

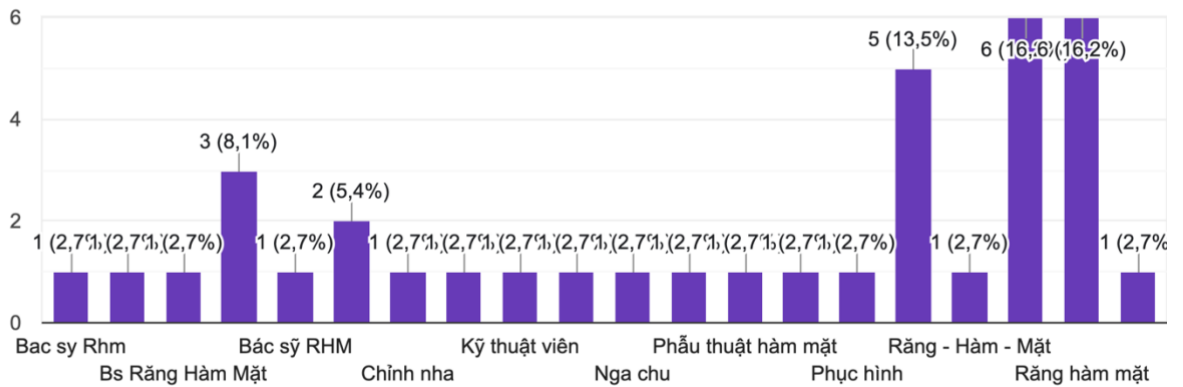
37 câu trả lời



Các đối tượng tham gia khảo sát đang công tác tại các trường Đại học có đào tạo chuyên ngành Răng Hàm Mặt trên cả nước.

Ngành/lĩnh vực chuyên môn đào tạo

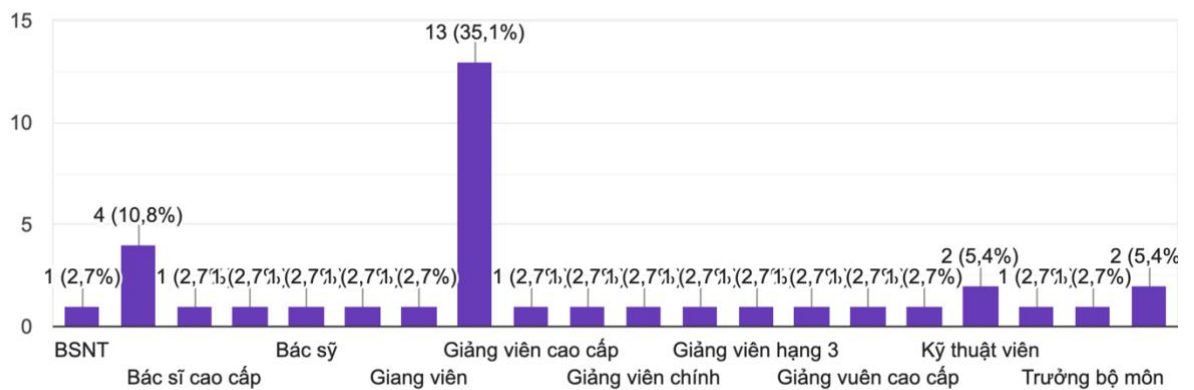
37 câu trả lời



Chuyên môn được đào tạo chủ yếu là Bác sỹ Răng Hàm Mặt và Kỹ thuật viên Phục hình.

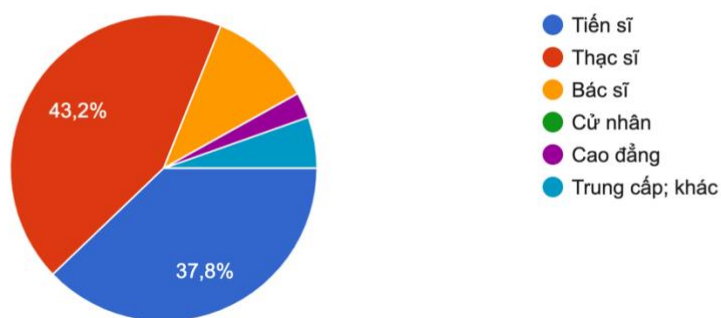
Chức danh nghề nghiệp

37 câu trả lời



Trình độ đào tạo

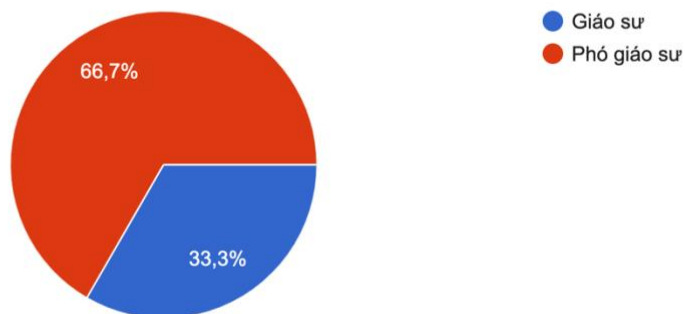
37 câu trả lời



Các đối tượng tham gia khảo sát có các ngành đào tạo liên quan lĩnh vực chăm sóc sức khỏe trong đó 14 đối tượng chiếm 37,8 % có trình độ đào tạo tiến sỹ, 43,2 thạc sỹ, 10,8% bác sỹ chuyên khoa, 8,1% trình độ cao đẳng và trung cấp.

Học hàm (nếu có)

3 câu trả lời



Để đánh giá tính **phù hợp** của "chương trình đào tạo Kỹ thuật Phục hình răng", chúng tôi đánh giá với các mức độ sau:

1 = Hoàn toàn không đồng ý

2 = Không đồng ý

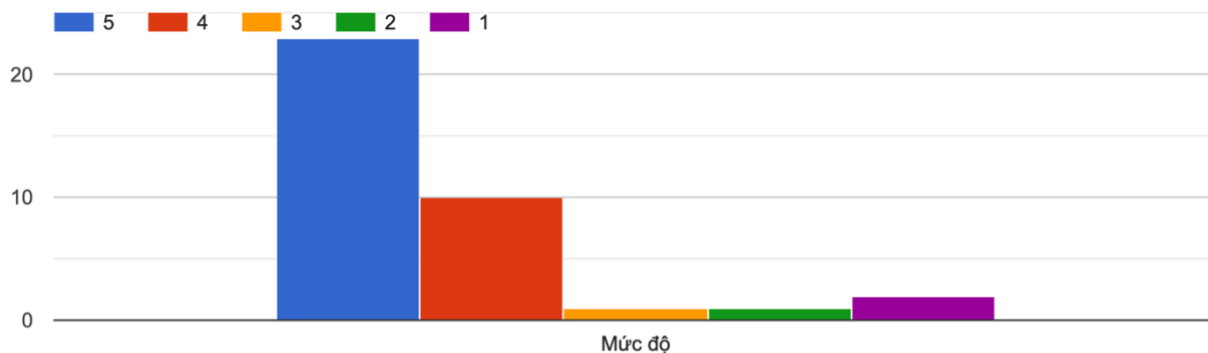
3 = Phân vân, cần điều chỉnh

4 = Đồng ý

5 = Hoàn toàn đồng ý

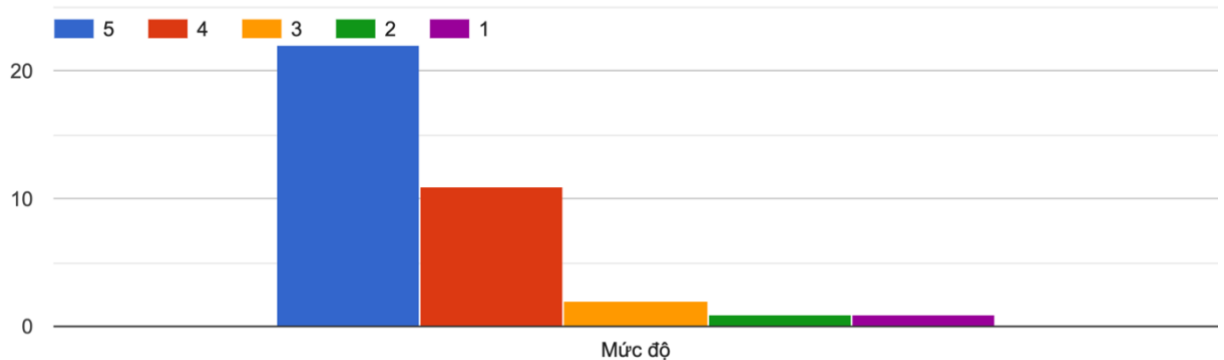
Về mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Phục hình răng có phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức khoa học cơ bản, y sinh học cơ sở, công nghệ và mỹ thuật vững chắc...bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.



Tỷ lệ đồng ý mục tiêu chung của chương trình đào tạo phù hợp rất cao: 23 đối tượng khảo sát chiếm 62% hoàn toàn đồng ý, 27% đồng ý.

Về kiến thức - Áp dụng được kiến thức về giải phẫu đầu mặt, giải phẫu răng, sinh lý hệ thống nhai cắn khớp học, tương quan giữa hai hàm trong phục ...ng quá trình hành nghề và phát triển nghề nghiệp



22-11-2-1-1

Đối với tính phù hợp của mục tiêu cụ thể về kiến thức, có tới 33/37 đối tượng khảo sát đồng ý và rất đồng ý, chỉ có 5% đối tượng phân vân và 2,7% không đồng ý.

- Các ý kiến góp ý, chỉnh sửa cho mục tiêu cụ thể về kiến thức như sau:

4 câu trả lời

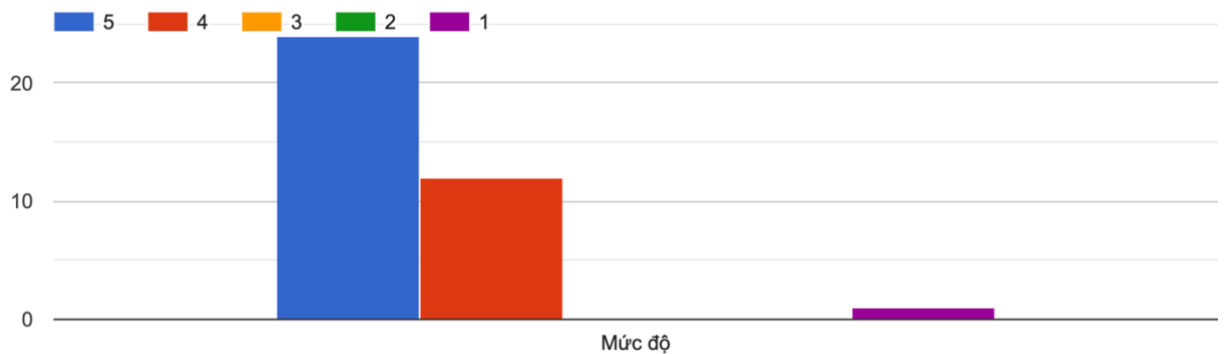
Không

Ko cần chính trị văn hoá, xã hội. Viện chỉ nên đào tạo chuyên môn

Ý 1 nên ghi gọn lại (giải phẫu, sinh lý hệ thống nhai, cắn khớp học trong phục hình răng) Ý 3 và 4 trùng lặp ý "công nghệ thông tin trong quá trình hành nghề"

"Vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật và công nghệ thông tin trong quá trình hành nghề và phát triển nghề nghiệp" Câu này nên bỏ bớt phần về chính trị ...

Về kỹ năng - Thực hiện phần kỹ thuật labo các loại phục hình răng hàm mặt: phục hình cố định, phục hình tháo lắp toàn phần và từng phần, phục h... bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.



Đối với tính phù hợp của mục tiêu cụ thể về kỹ năng, hầu hết đối tượng khảo sát đồng ý và rất đồng ý chiếm 97,3%, chỉ có 2,7% không đồng ý.

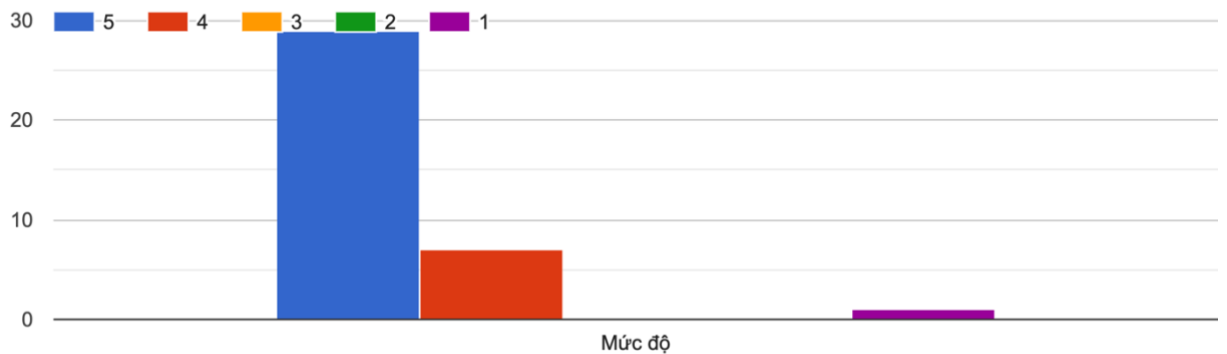
- Các ý kiến góp ý, chỉnh sửa cho mục tiêu cụ thể về kỹ năng như sau:

Không

Ý thứ nhất nên viết gọn lại là phục hình tháo lắp toàn phần và từng phần, phục hình cố định Ý cuối cùng thuộc về chuẩn đầu ra về thái độ hơn là kỹ năng Động từ "tham gia" không phù hợp lắm để diễn tả mục tiêu

- “Thực hiện giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp.“ câu này không phù hợp.

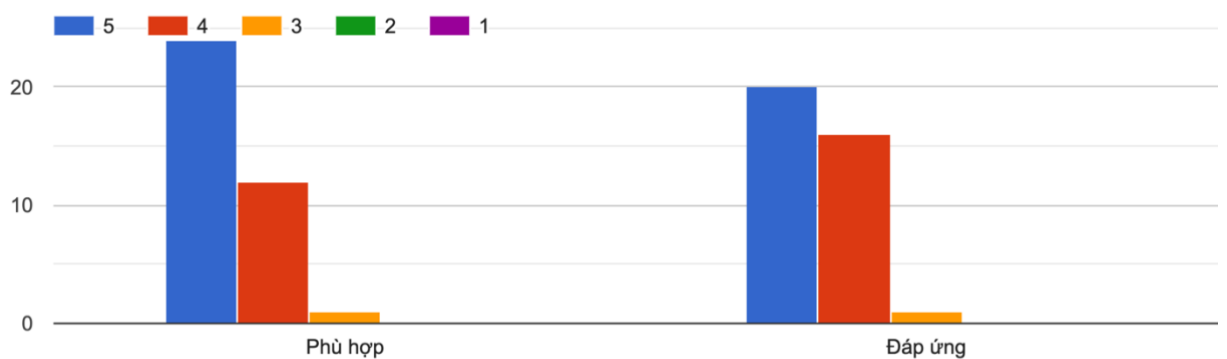
Thái độ - Tận tụy với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. - Trung thực, khách quan, thận trọng, t...ôn. - Phát triển bản thân và nghề nghiệp suốt đời.



Đối với tính phù hợp của mục tiêu cụ thể về thái độ, hầu hết đối tượng khảo sát đồng ý và rất đồng ý chiếm 97,3%, chỉ có 1 đối tượng rất không đồng ý.

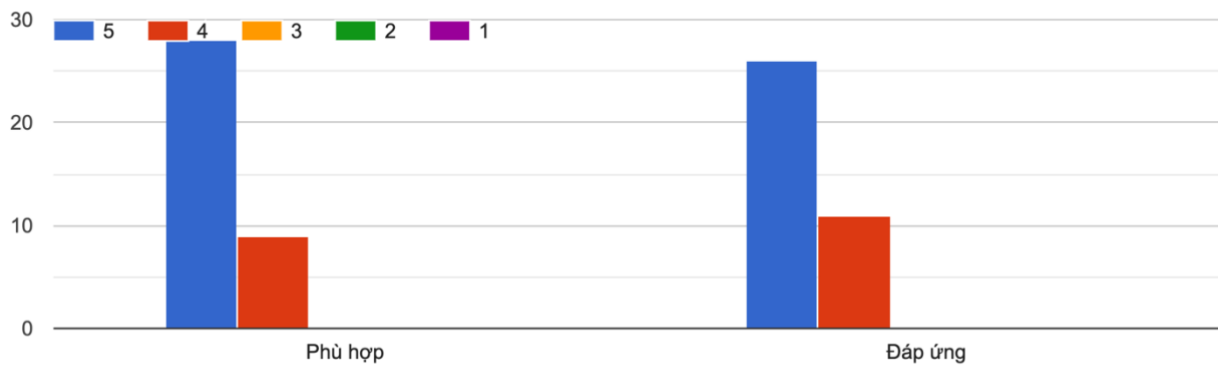
Về các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Kỹ thuật Phục hình răng trình độ đại học.

PLO1. Vận dụng năng lực ngoại ngữ để cập nhật thông tin và công nghệ mới trong lĩnh vực nghề nghiệp.



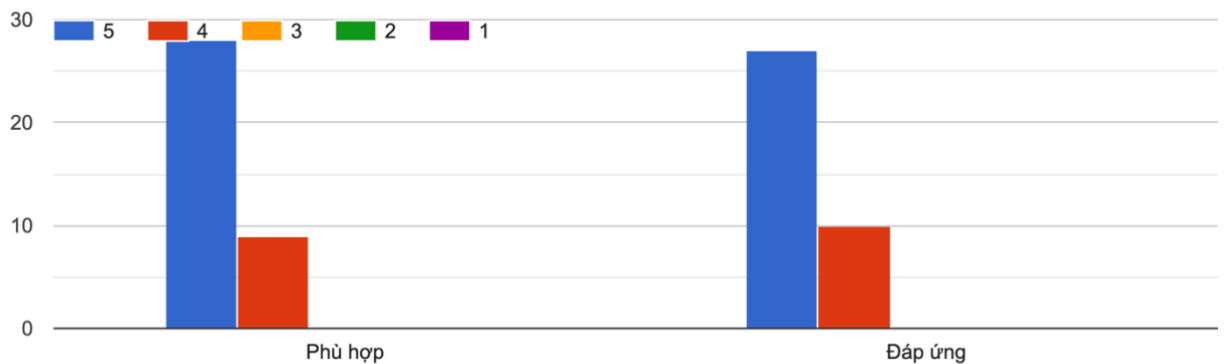
97,3% các đối tượng khảo sát đồng ý và rất đồng ý với tính phù hợp và đáp ứng của chuẩn đầu ra PLO1, chỉ có 2,7% đối tượng còn phân vân, cần điều chỉnh.

PLO2. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, vật liệu, thiết bị, công nghệ và chuyên ngành trong thực hành nghề nghiệp.



37/37 đối tượng được khảo sát đồng ý và rất đồng ý với chuẩn đầu ra PLO2, cho thấy sự đồng thuận rất cao.

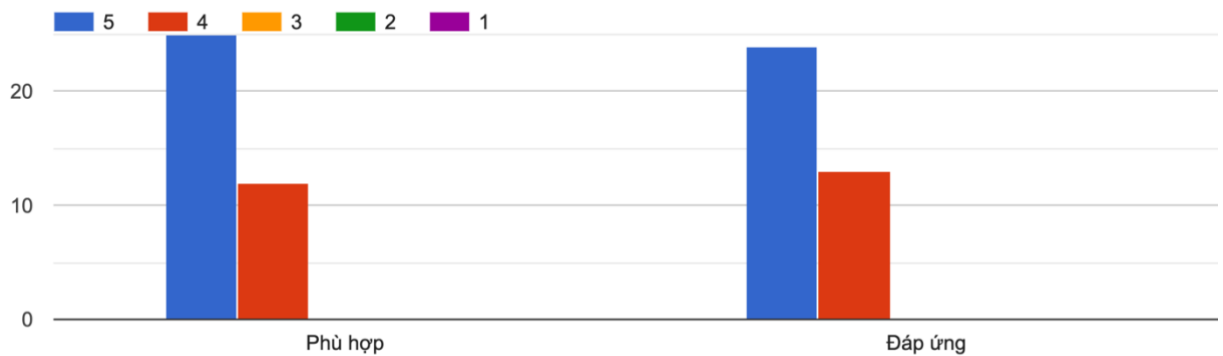
PLO3. Hiểu và áp dụng kiến thức chuyên ngành để phối hợp với bác sỹ giải quyết các vấn đề nha khoa và các chuyên ngành liên quan.



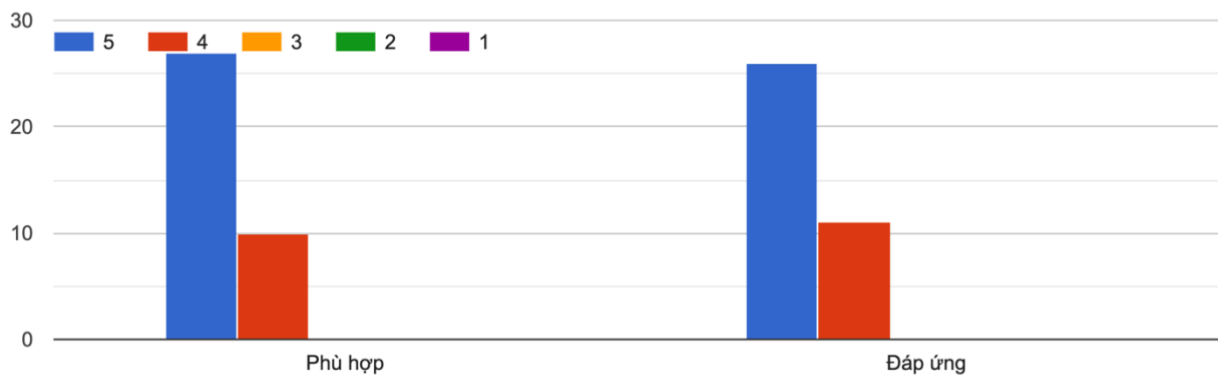
37/37 đối tượng được khảo sát đồng ý và rất đồng ý với chuẩn đầu ra PLO3, cho thấy sự đồng thuận rất cao. Tuy nhiên có sự góp ý như sau:

Mình nên bỏ động từ "hiểu"

PLO4. Định hướng thông tin chuyên môn dựa trên bằng chứng, có khả năng tự thu thập, phân tích và sử dụng thông tin.

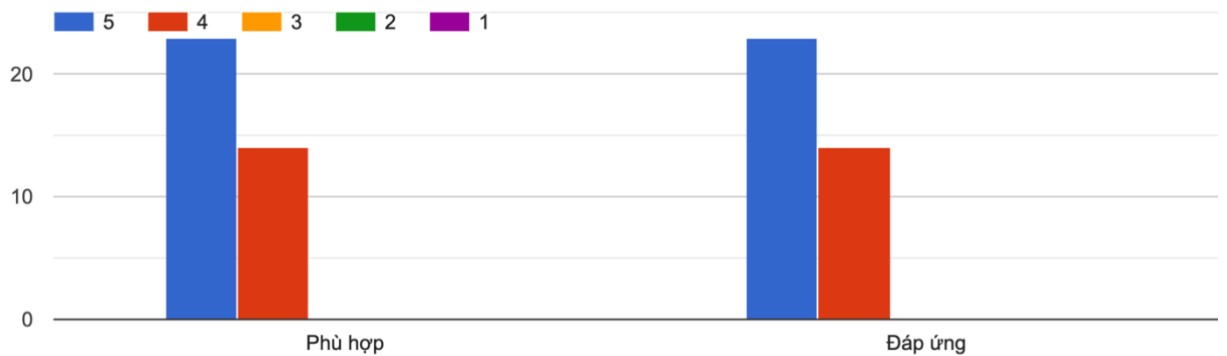


PLO5. Có khả năng chuẩn bị phục hình răng giả, các khí cụ chỉnh nha và một số khí cụ khác bằng cách sử dụng các kỹ thuật và phương pháp thích hợp... khả năng đánh giá được các biến chứng tiềm ẩn



37/37 đối tượng được khảo sát đồng ý và rất đồng ý với chuẩn đầu ra PLO4, PLO5 cho thấy sự đồng thuận rất cao.

PLO6. Có các kỹ năng cần thiết trong quản lý, kinh doanh, làm việc nhóm cần cho công việc kỹ thuật viên.



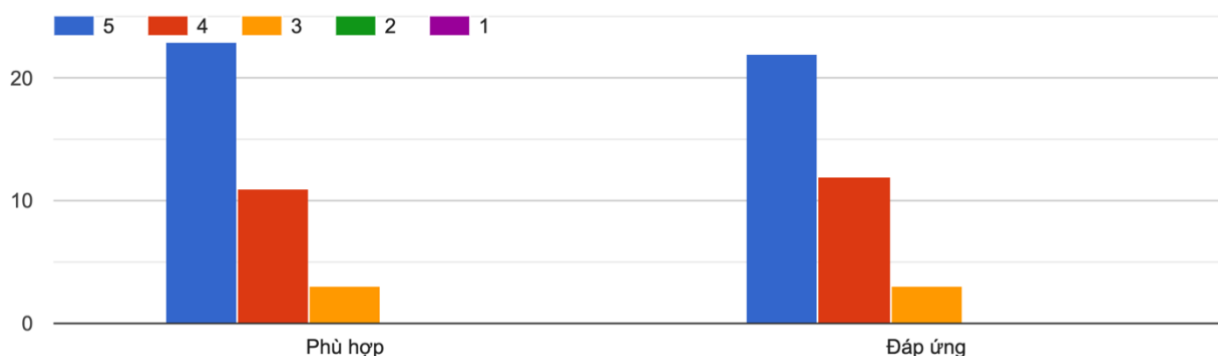
37/37 đối tượng được khảo sát đồng ý và rất đồng ý với chuẩn đầu ra PLO6 nhưng có sự góp ý như sau:

Ý kiến góp ý, chỉnh sửa (nếu có) 2 câu trả lời

Không

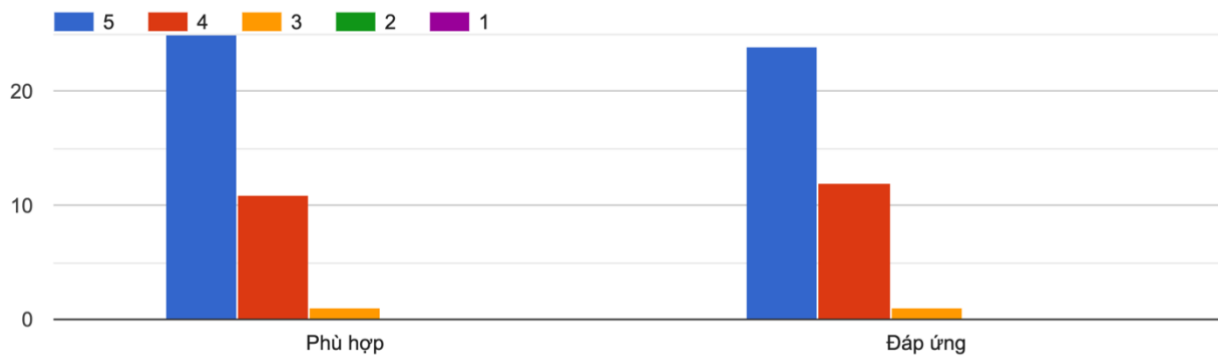
Nên bỏ kỹ năng quản lý, kinh doanh.

PLO7. Có khả năng tư vấn, giải thích các vấn đề về các vật liệu nha khoa đồng thời sử dụng được các công cụ tiên tiến trong việc giao tiếp và thu thập thông tin.



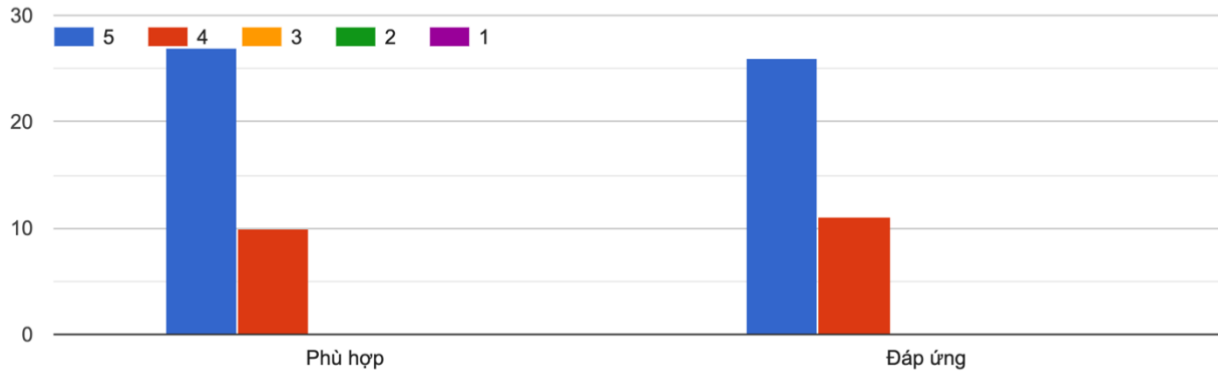
3/37 đối tượng khảo sát còn phân vân đối với PLO7, còn lại đều đồng ý và rất đồng ý.

PLO8. Áp dụng các nguyên tắc học tập liên tục và suốt đời để có cơ hội và khả năng phát triển nghề nghiệp, theo kịp những thành tựu mới trong kỹ thuật nha khoa.



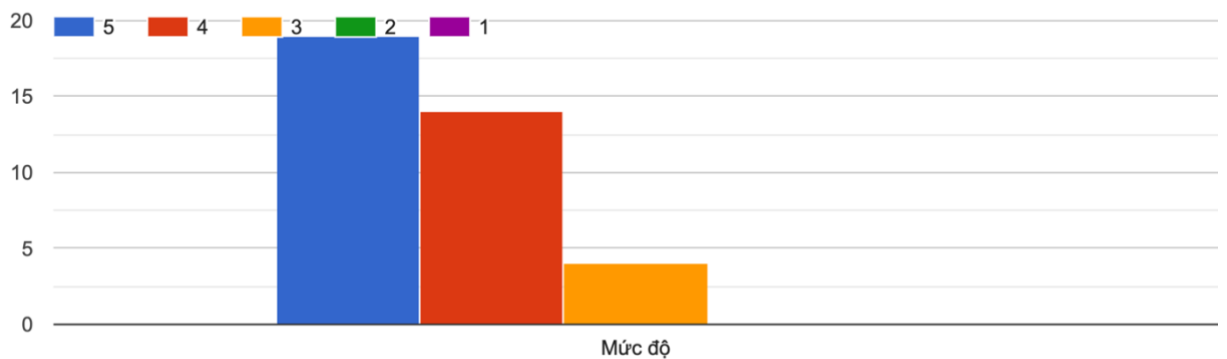
36/37 đối tượng được khảo sát đồng ý và rất đồng ý với chuẩn đầu ra PLO8.

PLO9. Tuân thủ các qui định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình hành nghề.



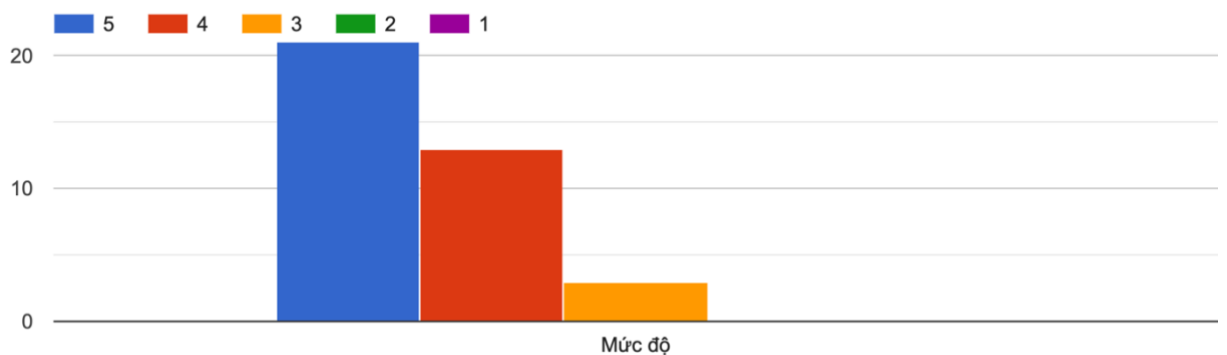
100% đối tượng được khảo sát đồng ý và rất đồng ý với chuẩn đầu ra PLO9 cho thấy sự đồng thuận rất cao.

Kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu 46,5 tín chỉ Các môn chung (Lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, nhà nước pháp luật) 24 tín chỉ và học phần Giáo...ng lao động, vi sinh và thuốc sát trùng) 10 tín chỉ.



Không có đối tượng khảo sát nào không đồng ý với các học phần và tín chỉ phân bổ cho Kiến thức đại cương, 33/37 đối tượng đồng ý và rất đồng ý với khung chương trình này.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tối thiểu 100 tín chỉ - Kiến thức cơ sở ngành 14 tín chỉ: Giải phẫu răng, Mô phôi răng, Sinh lý học, Sinh học miệng 6T...hóa luận tốt nghiệp/chuyên đề lâm sàng: 11 tín chỉ



Không có đối tượng khảo sát nào không đồng ý với các học phần và tín chỉ phân bổ cho Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 34/37 đối tượng đồng ý và rất đồng ý với khung chương trình này. Tuy nhiên có 8,1% đối tượng khảo sát còn phân vân và có ý kiến góp ý như sau:

Ý kiến góp ý, chỉnh sửa 5 câu trả lời

Không

Bỏ: kiến thức về mô phôi răng, sinh lý học, tổ chức sự kiện và quản trị phòng khám
Nên giảm số tiết giáo dục thể chất và quốc phòng để tăng cường cho các phần khác

Nên xem xét sự cần thiết của môn "Sinh lý học" và "Hỗ trợ sự sống"

Nên bỏ: tổ chức sự kiện.

Ý kiến bổ sung đối với KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (nếu có)

2 câu trả lời

Không

Có kiến thức về vật liệu dùng trong labo, tuân thủ an toàn lao động trong labo.